

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 11/2025)



MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

06. TCVN 14423:2025 bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia
07. Tiêu chuẩn đóng góp quan trọng vào tiến trình xanh hóa
08. Tiêu chuẩn mới giúp minh bạch chuỗi cung ứng toàn cầu
09. ISO/IEC 27002 giúp chủ động phòng thủ, bảo mật thông tin
10. Tiêu chuẩn đảm bảo phát triển AI an toàn, minh bạch và bền vững
11. TCVN ISO 9001:2015 tạo chuyển biến rõ nét trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch
12. Tiêu chuẩn mới giúp tăng cường an toàn pin và hóa chất
12. Tiêu chuẩn canh tác chính xác hỗ trợ sản xuất lương thực bền vững
14. Canada ban hành tiêu chuẩn bản đồ ngập lụt tăng cường khả năng chống chịu khí hậu
15. ASTM phê duyệt tiêu chuẩn mới cho dầu quy trình từ nhựa thải
16. ISO ban hành bộ tiêu chuẩn mới về lớp phủ đất và sử dụng đất
17. Đã có khoảng 400 tiêu chuẩn về thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững
19. Xây dựng 17 tiêu chuẩn mới về Halal đồng bộ với tiêu chuẩn quốc tế
20. Công bố dự án nghiên cứu bộ tiêu chuẩn hành nghề môi giới bất động sản
21. TCVN 13933:2024 – Bước tiến quan trọng trong đánh giá suy thoái bê tông do cacbonat hóa
22. Lá chắn mới bảo vệ thiết bị điểm cuối trước các cuộc tấn công mạng
23. Truy xuất nguồn gốc và họ chiếu số: Giải pháp đồng bộ, thống nhất giúp giảm gánh nặng cho doanh nghiệp
24. Xây dựng tiêu chuẩn môi trường: Loại bỏ hình thức, tăng hiệu quả thực thi

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

26. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 11/2025

❖ BỘ CÔNG AN

Ngày 04/11/2025, Bộ Công an ban hành Thông tư số 103/2025/TT-BCA về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10:2025/BCA quy định yêu cầu kỹ thuật đối với trang bị và bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 30/12/2025.



QCVN 10:2025/BCA xác lập hệ thống yêu cầu kỹ thuật cụ thể, đồng bộ và thống nhất trong việc lựa chọn, trang bị và bố trí các phương tiện PCCC & CNCH phù hợp với từng loại công trình, quy mô, công năng sử dụng và mức độ nguy hiểm cháy, nổ. Nội dung quy chuẩn bao gồm quy định về chủng loại thiết bị, số lượng tối thiểu, vị trí lắp đặt, khoảng cách bố trí cũng như các yêu cầu về khả năng tiếp cận, vận hành và sẵn sàng sử dụng khi xảy ra sự cố.

Việc ban hành quy chuẩn này góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý cháy, nổ; đồng thời tăng cường tính minh bạch và thống nhất trong hoạt động thiết kế, thẩm duyệt, nghiệm thu và kiểm tra an toàn PCCC đối với các công trình xây dựng. Đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng giúp các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và thi công có căn cứ rõ ràng trong quá trình triển khai dự án./.

❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

➤ Các Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia:

Quyết định số 1490/QĐ-BKHCN (27/06/2025):

1. TCVN 14414:2025, Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) – Nhiên liệu tuốc bin hàng không có chứa hydrocacbon tổng hợp – Quy định kỹ thuật

Quyết định số 1678/QĐ-BKHCN (10/07/2025):

1. TCVN 14450-1:2025, Hệ thống truyền công suất không dây (WPT) dùng cho xe điện – Phần 1: Yêu cầu chung

2. TCVN 14450-2:2025, Hệ thống truyền công suất không dây (WPT) dùng cho xe điện – Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với truyền thông và hoạt động của hệ thống truyền công suất không dây sử dụng trường từ

3. TCVN 14450-3:2025, Hệ

thống truyền công suất không dây (WPT) dùng cho xe điện – Phần 3: Yêu cầu cụ thể đối với hệ thống truyền công suất không dây sử dụng trường từ

Quyết định số 1728/QĐ-BKHCN (17/07/2025):

1. TCVN 7589-52:2025, Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Yêu cầu cụ thể – Phần 52: Ký hiệu

2. TCVN 11345-41:2025, Thiết bị đo điện – Yêu cầu chung, thử nghiệm và điều kiện thử nghiệm – Phần 41: Phương pháp ghi điện năng và các yêu cầu đối với công tơ đo nhiều loại điện năng và nhiều biểu giá

3. TCVN 14472-11:2025, Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Kiểm tra chấp nhận – Phần 11: Phương pháp chung để kiểm tra chấp nhận

4. TCVN 14472-21:2025, Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Kiểm tra chấp nhận – Phần 21: Yêu cầu cụ thể dùng cho công tơ kiểu điện cơ đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,5; 1 và 2)

5. TCVN 14472-31:2025, Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Kiểm tra chấp nhận – Phần 31: Yêu cầu cụ thể dùng cho công tơ kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,2 S; 0,5 S; 1 và 2)

Quyết định số 1730/QĐ-BKHCHN ngày 14/07/2025:

1. TCVN 6426:2025, Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1 – Quy định kỹ thuật,
2. TCVN 14400:2025, Nhiên liệu hàng không – Phương pháp tính nhiệt trị cháy thực
3. TCVN 14401:2025, Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Xác định độ bôi trơn bằng thiết bị đánh giá khả năng bôi trơn viên bi trên xy lanh (BOCLE)
4. TCVN 14402:2025, Nhiên liệu hàng không – Xác định tạp chất dạng hạt bằng phương pháp lọc trong phòng thí nghiệm
5. TCVN 14403:2025, Nhiên liệu hàng không – Xác định điểm băng (Phương pháp chuyển pha tự động)
6. TCVN 14404:2025, Nhiên liệu tuốc bin hàng không loại kerosin có chứa phụ gia – Xác định đặc tính tách nước bằng thiết bị tách nước xách tay,
7. TCVN 14405:2025, Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Xác định nồng độ phụ gia giảm trở lực đường ống
8. TCVN 14406:2025, Nhiên liệu tuốc bin hàng không – Xác định đặc tính tách nước bằng thiết bị tách nước cỡ nhỏ

Quyết định số 1732/QĐ-BKHCHN (14/07/2025):

1. TCVN 12546:2025, Khí thiên nhiên – Lấy mẫu khí
2. TCVN 9794:2025, Khí thiên nhiên – Phương pháp phân tích bằng sắc ký khí (GC)
3. TCVN 14415:2025, Khí thiên nhiên – Đánh giá hiệu năng của hệ thống phân tích

Quyết định số 1733/QĐ-BKHCHN (14/07/2025):

1. TCVN 14473:2025, Pin sử dụng cho các ứng dụng cấp điện phụ trợ tĩnh tại và chuyển động
2. TCVN 14474:2025, Đánh giá pin để chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc chế tạo lại

Quyết định số 1821/QĐ-BKHCHN (18/07/2025):

1. TCVN 10687-12:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 12: Đo đặc tính công suất của tuabin gió phát điện – Tổng quan
2. TCVN 10687-12-3:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 12-3: Đặc tính công suất – Hiệu chuẩn theo vị trí dựa trên phép đo
3. TCVN 10687-12-5:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 12-5: Đặc tính công suất – Đánh giá chương ngại vật và địa hình
4. TCVN 10687-12-6:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 12-6: Hàm truyền vỏ tuabin dựa trên phép đo của tuabin gió phát điện
5. TCVN 10687-50:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 50: Đo gió – Tổng quan
6. TCVN 10687-50-1:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 50-1: Đo gió – Ứng dụng các thiết bị đo lắp trên cột khí tượng, vỏ tuabin và mũ hub
7. TCVN 10687-50-2:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 50-2: Đo gió – Ứng dụng công nghệ cảm biến từ xa lắp trên mặt đất
8. TCVN 10687-50-3:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 50-3: Sử dụng Lidar lắp trên vỏ tuabin để đo gió
9. TCVN 10687-3-1:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 3-1: Yêu cầu thiết kế đối với tuabin gió cố định ngoài khơi
10. TCVN 10687-3-2:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 3-2: Yêu cầu thiết kế đối với tuabin gió nổi ngoài khơi

Quyết định số 1836/QĐ-BKHCHN ngày 18/07/2025:

1. TCVN 13716-2:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 2: Thử nghiệm tính năng của hệ thống động cơ
2. TCVN 13716-3:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 3: Thử nghiệm tính năng của động cơ và bộ biến tần
3. TCVN 13716-4:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 4:

Thử nghiệm tính năng của bộ chuyển đổi DC/DC

4. TCVN 13716-5:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 5: Thử nghiệm tải làm việc của hệ thống động cơ

5. TCVN 13716-6:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 6: Thử nghiệm tải làm việc của động cơ và bộ biến tần

6. TCVN 13716-7:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu kỹ thuật về thử nghiệm bộ phận động lực điện – Phần 7: Thử nghiệm tải làm việc của bộ chuyển đổi DC/DC

7. TCVN 14338:2025, Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Truyền năng lượng từ trường không dây – Yêu cầu về an toàn và khả năng tương tác

8. TCVN 10469-1:2025, Phương tiện giao thông đường bộ hybrid- điện – Đo khí thải và tiêu thụ nhiên liệu – Phần 1: Xe không sạc từ bên ngoài

9. TCVN 10469-2:2025, Phương tiện giao thông đường bộ hybrid- điện – Đo khí thải và tiêu thụ nhiên liệu – Phần 2: Xe sạc từ bên ngoài

10. TCVN 12508:2025, Phương tiện giao thông đường bộ pin nhiên liệu – Đo tiêu thụ năng lượng – Xe chạy bằng hydro nén

Quyết định số 1862/QĐ-BKHCN ngày 21/07/2025:

1. TCVN 12232-1:2025, An toàn của môđun quang điện (PV) – Phần 1: Yêu cầu về kết cấu

2. TCVN 12232-2:2025, An toàn của môđun quang điện (PV) – Phần 2: Yêu cầu về thử nghiệm,

3. TCVN 12678-2:2025, Thiết bị quang điện – Phần 2: Yêu cầu đối với thiết bị quang điện chuẩn

4. TCVN 12678-5:2025, Thiết bị quang điện – Phần 5: Xác định nhiệt độ tương đương của tế bào thiết bị quang điện bằng phương pháp điện áp hở mạch

Quyết định số 2904/QĐ-BKHCN (27/09/2025):

1. TCVN 14499-1:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 1: Từ vựng

2. TCVN 14499-2-1:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-1: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Quy định kỹ thuật chung

3. TCVN 14499-2-2:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-2: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Ứng dụng và thử nghiệm tính năng

4. TCVN 14499-2-200:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-200: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Nghiên cứu các trường hợp điển hình của hệ thống lưu trữ điện năng đặt trong trạm sạc EV sử dụng PV

5. TCVN 14499-3-1:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-1: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Quy định kỹ thuật chung

6. TCVN 14499-3-2:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-2: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Yêu cầu bổ sung đối với các ứng dụng liên quan đến nguồn công suất biến động lớn và tích hợp nguồn năng lượng tái tạo

7. TCVN 14499-3-3:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-3: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Yêu cầu bổ sung đối với các ứng dụng tiêu thụ nhiều năng lượng và nguồn điện dự phòng

8. TCVN 14499-4-1:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-1: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Quy định kỹ thuật chung

9. TCVN 14499-4-2:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-2: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Đánh giá tác động môi trường của hồng học pin trong hệ thống lưu trữ điện hóa

10. TCVN 14499-4-3:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-3: Các yêu cầu bảo vệ đối với hệ thống pin lưu trữ năng lượng theo các điều kiện môi trường

11. TCVN 14499-4-4:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-4: Yêu cầu về môi trường đối với hệ thống pin lưu trữ năng lượng (BESS) với pin tái sử dụng

12. TCVN 14499-5-1:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-1: Xem xét về an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Quy định kỹ thuật chung

13. TCVN 14499-5-2:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-2: Yêu cầu an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Hệ thống dựa trên nguyên lý điện hóa

14. TCVN 14499-5-3:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-3: Yêu cầu an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Thực hiện sửa đổi ngoài kế hoạch hệ thống dựa trên nguyên lý điện hóa

15. TCVN 14499-5-4:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 5-4: Phương pháp và quy trình thử nghiệm an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện – Hệ thống dựa trên pin lithium ion

Quyết định số 2907/QĐ-BKHCN ngày 27/09/2025:

1. TCVN 14499-2-201:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-201: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Rà soát thử nghiệm hệ thống lưu trữ điện năng sử dụng các pin chuyển đổi mục đích sử dụng và pin tái sử dụng

2. TCVN 14499-3-200:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-200: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng –

Nguyên tắc thiết kế hệ thống EES điện hóa

3. TCVN 14499-4-200:2025, Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-200: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Đánh giá phát thải khí nhà kính (GHG) từ hệ thống lưu trữ điện năng (EES)

➤ **Các Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn Quốc gia:**

Quyết định số 1729/QĐ-BKHCN (14/07/2025):

1. TCVN 6426:2020, Nhiên liệu phản lực tước bin hàng không Jet A-1 – Quy định kỹ thuật

Quyết định số 1731/QĐ-BKHCN (14/07/2025):

1. TCVN 12546:2019, Khí thiên nhiên – Hướng dẫn lấy mẫu

2. TCVN 9794:2013, Khí thiên nhiên – Phương pháp phân tích bằng sắc ký khí

3. Quyết định số 1837/QĐ-BKHCN (18/07/2025):

4. TCVN 10469-1:2014, Phương tiện giao thông đường bộ - Đo chất phát thải và tiêu thụ nhiên liệu của xe Hybrid điện - Phần 1: Hybrid điện không nạp điện bằng nguồn điện bên ngoài

5. TCVN 10469-2:2014, Phương tiện giao thông đường bộ - Đo chất phát thải và tiêu thụ nhiên liệu của xe Hybrid điện - Phần 2: Hybrid điện nạp điện bằng nguồn điện bên ngoài

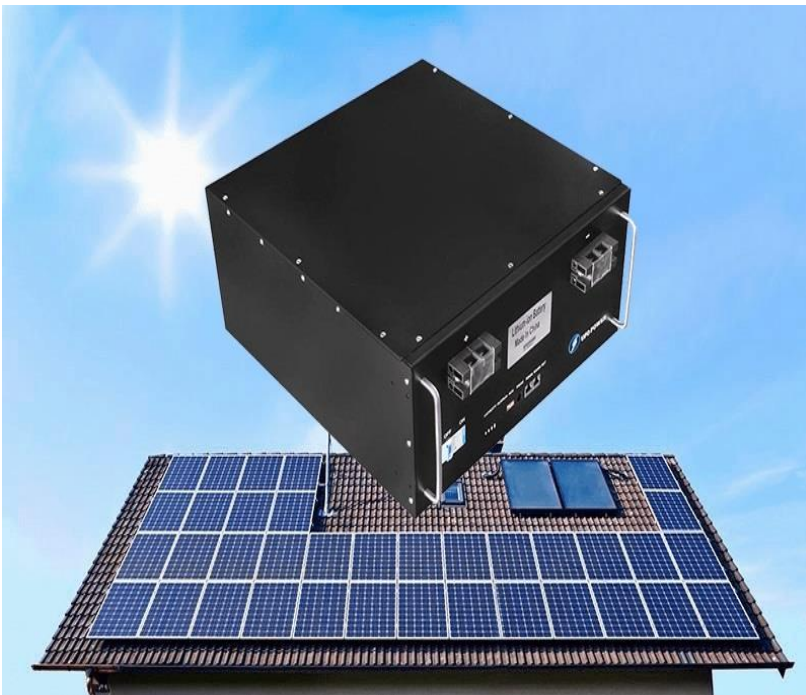
6. TCVN 12508:2018, Phương tiện giao thông đường bộ pin nhiên liệu – Đo tiêu thụ năng lượng – Xe chạy bằng hydro nén

Quyết định số 1863/QĐ-BKHCN (18/07/2025):

1. TCVN 12232-1:2018, An toàn của môđun quang điện (PV) – Phần 1: Yêu cầu về kết cấu

2. TCVN 12232-2:2018, An toàn của môđun quang điện (PV) – Phần 2: Yêu cầu về thử nghiệm

3. TCVN 12678-2:2020, Thiết bị quang điện – Phần 2: Yêu cầu đối với thiết bị quang điện chuẩn quang điện./.



TCVN 14423:2025 BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN TRỌNG YẾU QUỐC GIA

TCVN 14423:2025 về “An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng” là bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đầu tiên của Việt Nam quy định chi tiết, toàn diện yêu cầu bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và các hệ thống trọng yếu về an ninh quốc gia.



Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực, yêu cầu bảo vệ các hệ thống thông tin trọng yếu trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Theo đó, TCVN 14423:2025 về “An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng” là bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đầu tiên của Việt Nam quy định chi tiết, toàn diện yêu cầu bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và các hệ thống trọng yếu về an ninh quốc gia.

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cho biết, TCVN 14423:2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc chuẩn hóa yêu cầu kỹ thuật, quy trình bảo vệ, giám sát, ứng phó và kiểm định an ninh mạng.

Tăng cường năng lực phòng thủ chủ động, giúp cơ quan, tổ chức phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các cuộc tấn công mạng, nhất là đối với các lĩnh vực then chốt như quốc phòng, an

ninh, tài chính - ngân hàng, năng lượng, viễn thông, giao thông, y tế và hạ tầng số quốc gia.

Đồng thời, hỗ trợ lực lượng chuyên trách an ninh mạng, tạo nền tảng kỹ thuật thống nhất phục vụ công tác giám sát, ứng phó và đánh giá an toàn thông tin ở phạm vi quốc gia. Qua đó, TCVN 14423:2025 góp phần củng cố năng lực tự chủ, an toàn và bền vững cho không gian mạng Việt Nam.

So với các tiêu chuẩn trước đây, TCVN 14423:2025 có nhiều điểm mới và chuyên sâu hơn, thể hiện cách tiếp cận phòng thủ chủ động, thực hành an ninh mạng hiện đại, bao gồm:

Yêu cầu về quản lý rủi ro an ninh mạng (Điều 4.1, 5.1): Giúp chủ quản hệ thống chủ động trong việc xác định, đánh giá và kiểm soát rủi ro thay vì chỉ phản ứng bị động; **Yêu cầu về kiểm thử xâm nhập (penetration testing) (Điều 5.18):** Lần đầu tiên được đưa vào tiêu chuẩn quốc gia,

giúp đánh giá thực tế khả năng phòng thủ của hệ thống; Các yêu cầu mới về cứng hoá hệ thống, quản lý tài sản phần cứng/phần mềm, quản lý lỗ hổng bảo mật....

Các nội dung này giúp nâng cao tính thực hành, tính khả thi và hiệu quả trong triển khai bảo đảm an ninh mạng tại các cơ quan, tổ chức.

TCVN 14423:2025 có mức độ hài hòa cao với các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành, thể hiện rõ định hướng hội nhập và chuyên nghiệp hóa công tác bảo đảm an ninh mạng.

TCVN 14423:2025 được xây dựng trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn quốc tế CIS Critical Security Control phiên bản 8, ban hành bởi Trung tâm An ninh Internet, Hoa Kỳ (Center for Internet Security - CIS) năm 2021, có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Việc áp dụng tiêu chuẩn này giúp: Các cơ quan Việt Nam dễ dàng phối hợp, chia sẻ dữ

liệu và kinh nghiệm với các đối tác quốc tế; Thuận lợi trong công tác kiểm định, đánh giá, ứng phó sự cố và hợp tác kỹ thuật xuyên biên giới; Tạo điều kiện để Việt Nam hội nhập sâu hơn vào mạng lưới an ninh mạng khu vực và thế giới, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín quốc gia trong không gian mạng toàn cầu.

TCVN 14423:2025 do Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao biên soạn, Bộ Công an đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

0

TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG VÀO TIẾN TRÌNH XANH HÓA

Ông Triệu Việt Phương - Viện trưởng Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam - Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia khẳng định, tiêu chuẩn là một trong những công cụ quan trọng đóng góp vào tiến trình xanh hóa.



Trong bối cảnh mục tiêu phát triển xanh ngày càng trở nên cấp thiết, tiêu chuẩn được xem như “chiếc la bàn” định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững hơn.

Bằng việc thiết lập các yêu cầu kỹ thuật, quy trình và thông số môi trường rõ ràng, tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn tác động sinh thái, cải thiện hiệu quả vận hành. Nhờ đó, tiêu chuẩn không chỉ hỗ trợ quá trình xanh hóa mà còn tạo nền tảng để doanh nghiệp nâng cao chất lượng và uy tín trên thị trường.

Ông Triệu Việt Phương - Viện trưởng Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam - Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia khẳng định, tiêu chuẩn là một trong những công cụ quan trọng đóng góp vào tiến trình xanh hóa.

Hiện nay, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của chúng ta có khoảng trên 14.000 tiêu chuẩn. Hòa chung với xu hướng tiêu chuẩn hóa toàn cầu, hướng đến phát triển bền vững và phát triển xanh, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cần phải rà soát, hoàn thiện và hướng đến những nhóm tiêu chuẩn phục vụ mục tiêu này.

Để hỗ trợ thực thi các mục tiêu phát thải thấp, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đang tập trung ưu tiên hoàn thiện và phát triển các nhóm tiêu chuẩn nhằm đảm bảo năng suất xanh và chất lượng xanh trong các lĩnh vực trọng điểm sau:

Thứ nhất, nhóm tiêu chuẩn về năng lượng xanh và tích hợp hệ thống. Bao gồm các tiêu chuẩn cho điện mặt trời, điện gió, sinh khối, hydrogen xanh; tiêu chuẩn an toàn - hiệu suất cho hệ thống lưu trữ năng lượng và các yêu cầu kết nối lưới điện thông minh. Những tiêu chuẩn này tạo nền tảng để doanh nghiệp tiếp cận nguồn năng lượng sạch, ổn định và an toàn.

Thứ hai, nhóm tiêu chuẩn sản phẩm xanh và vật liệu bền vững. Đây là nhóm tiêu chuẩn then chốt trong thúc đẩy tiêu dùng bền vững: tiêu chuẩn vật liệu tái chế, vật liệu sinh học phân hủy, sản phẩm phát thải thấp; bộ tiêu chí nhãn sinh thái và phương pháp luận đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA). Đặc biệt, LCA giúp doanh nghiệp nhận diện tác động môi trường của từng công đoạn và cải thiện theo hướng tiết kiệm tài nguyên, góp phần giảm phát thải.

Thứ ba, nhóm tiêu chuẩn về quy trình sản xuất sạch hơn và kinh tế tuần hoàn. Bao gồm các tiêu chuẩn về quản lý chất thải, thiết kế dễ tái chế, tái sử dụng vật liệu, giảm phát thải

trong toàn bộ chuỗi giá trị. Với các ngành phát thải cao như xi măng, sắt thép, hóa chất, dệt may, đây chính là công cụ để doanh nghiệp rút ngắn khoảng cách công nghệ và đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế.

Thứ tư, nhóm tiêu chuẩn về đo lường - báo cáo - thẩm định phát thải (MRV) và quản lý carbon. MRV là điều kiện tiên quyết để triển khai thị trường carbon, đáp ứng các cơ chế quốc tế như CBAM. Một hệ thống MRV chuẩn hóa giúp đo lường phát thải chính xác, minh bạch, từ đó doanh nghiệp xác định cơ hội giảm

phát thải và tối ưu chi phí.

Ngoài ra, nhóm tiêu chuẩn hệ thống quản lý như ISO 50001, ISO 14001 và tiêu chuẩn liên quan ESG cũng là trụ cột giúp doanh nghiệp vận hành theo hướng bền vững.

Có thể nói, việc áp dụng các tiêu chuẩn nhằm hướng đến xanh hóa không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị sản phẩm, dịch vụ mà còn dần khẳng định được trách nhiệm với môi trường, cộng đồng, tạo niềm tin, sự uy tín với đối tác, người tiêu dùng./.

0

TIÊU CHUẨN MỚI GIÚP MINH BẠCH CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

ASTM International - tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn vừa công bố phiên bản sửa đổi tiêu chuẩn ASTM D8558, nhằm đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc, xác thực tài liệu và giám sát chuỗi cung ứng bằng công nghệ số, trong đó có ứng dụng công nghệ blockchain.



Theo Ủy ban chuỗi cung ứng phụ trách (F49), sửa đổi lần này do tiểu ban F49.06 quản lý, với mục tiêu thiết lập một khung minh bạch, tin cậy hơn cho chuỗi cung ứng toàn cầu.

Cập nhật nổi bật của D8558 bao gồm mô hình đánh giá sự phù hợp gồm bốn bước chính: truy xuất nguồn gốc; xác thực tài liệu chứng minh; xác minh lô hàng dựa trên logic chuỗi cung ứng; giám sát thời gian thực bởi cơ quan chức năng hoặc bên thứ ba.

Phương pháp này mở ra khả năng cơ quan hải quan, nhà nhập khẩu hoặc bên thứ ba được công nhận có thể kiểm tra, xác minh các tuyên bố liên quan đến nguồn gốc, danh tính nhà cung cấp, đặc tính sản phẩm, điều kiện lao động, hay các tiêu chuẩn bền vững liên quan, chứ không chỉ đơn thuần dựa vào giấy tờ do doanh nghiệp cung cấp.

Ông Jeff Weiss - Chủ tịch F49 & F49.06 nhận định việc cho phép sử dụng bên thứ ba độc lập để thực hiện truy xuất nguồn gốc, kiểm toán và thử nghiệm là "một bước tiến lớn" trong công tác xác minh chuỗi cung ứng.

Đồng thời, ông Mike Coner - Phó chủ tịch F49.06, CEO của một đơn vị công nghệ cho rằng, D8558 tạo ra "dấu vân tay" kỹ thuật số đáng tin cậy cho toàn bộ tài liệu và dữ liệu liên quan,

tương đương "hộ chiếu kỹ thuật số" trung lập, có thể áp dụng toàn cầu. Nhờ đó, các quốc gia và doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tuân thủ tiêu chuẩn và giám sát chuỗi cung ứng.

Việc ASTM cập nhật tiêu chuẩn D8558 trùng thời điểm nhiều chính phủ và khối kinh tế lớn như nhóm G7 đang thúc đẩy các biện pháp nhằm đảm bảo chuỗi cung ứng khoáng sản, nguyên liệu thô tuân thủ tiêu chuẩn chung, minh bạch và có trách nhiệm.

Chính vì vậy, khung tiêu chuẩn mới của ASTM không chỉ giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn khi giao thương quốc tế, mà còn hỗ trợ các quốc gia nâng cao năng lực quản lý và kiểm soát chuỗi cung ứng từ khai thác, sản xuất, đến xuất khẩu theo hướng minh bạch, bền vững và đáng tin cậy. Với D8558 phiên bản mới, doanh nghiệp, đặc biệt những doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu được khuyến khích áp dụng các công nghệ như blockchain, RFID, dữ liệu định vị, cùng với hệ thống “hộ chiếu kỹ thuật số” cho sản phẩm. Điều này giúp tăng

cường độ tin cậy, giảm thiểu giả mạo, gian lận, hoặc các rủi ro do thông tin thiếu minh bạch; đồng thời giúp mở rộng cơ hội xuất khẩu sang những thị trường yêu cầu cao về nguồn gốc và đạo đức chuỗi cung ứng.

Đối với cơ quan quản lý Nhà nước, tiêu chuẩn mới giúp đơn giản hóa việc giám sát, kiểm tra và xử lý theo lô hàng, từ đó hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, cũng như kiểm tra nguồn gốc, tính minh bạch của hàng hóa./.

0

ISO/IEC 27002 GIÚP CHỦ ĐỘNG PHÒNG THỦ, BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong bối cảnh tội phạm mạng ngày càng tinh vi và phức tạp, doanh nghiệp không còn có thể trông chờ vào các biện pháp phòng vệ truyền thống. Thay vào đó, việc xây dựng hệ thống bảo mật toàn diện, đồng bộ từ con người đến công nghệ, từ chính sách đến kỹ thuật như được khuyến nghị bởi ISO/IEC 27002 đang trở thành nhu cầu thiết yếu.

trường hợp, việc khôi phục hệ thống mất từ vài ngày đến vài tháng.

Trong bối cảnh đó, việc sớm nhận diện dấu hiệu bất thường, dự báo rủi ro và triển khai biện pháp phòng ngừa mang tính chiến lược thay vì phản ứng tình huống chính là chìa khóa sống còn. Đây cũng là vai trò mà các biện pháp an ninh theo ISO/IEC 27002 được kỳ vọng mang lại.



Các cuộc tấn công mạng không chỉ nhằm vào các tổ chức lớn, mà có thể nhắm tới cả doanh nghiệp nhỏ, vừa, thậm chí các tổ chức chưa đủ chuẩn bị. Hậu quả thường rất nặng nề: từ mất dữ liệu, gián đoạn hoạt động, tổn thất tài chính cho tới thiệt hại về uy tín. Trong nhiều

ISO/IEC 27002 là tiêu chuẩn quốc tế thuộc dòng chuẩn về an toàn - bảo mật thông tin (ISMS), do International Organization for Standardization (ISO) phối hợp với International Electrotechnical Commission (IEC) xây dựng. Không giống như một tiêu chuẩn bắt buộc phải “đạt” để chứng nhận, ISO/IEC 27002 được hiểu như một tập hợp “best practices” - những khuyến nghị thực hành

tốt nhất mà doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng phù hợp với bối cảnh, quy mô và mức độ rủi ro của mình.

Tiêu chuẩn này đưa ra nhiều lĩnh vực kiểm soát từ chính sách an ninh, quản lý tài sản thông tin, bảo mật vật lý, quản lý truy cập, mã

hóa, cho tới bảo mật vận hành, bảo mật truyền thông, quản lý hệ thống và phát triển, xử lý sự cố, cũng như đảm bảo tuân thủ và quản lý sự liên tục trong hoạt động doanh nghiệp. Nếu được áp dụng đồng bộ, ISO/IEC 27002 tạo ra “khung bảo mật” toàn diện giúp kiểm soát thông tin quan trọng, đảm bảo tính bí mật, toàn vẹn và sẵn sàng truy cập khi cần thiết - ba yếu tố cốt lõi của an toàn thông tin (Confidentiality - Integrity - Availability, hay CIA triad).

Doanh nghiệp Việt Nam lựa chọn áp dụng ISO/IEC 27002 sẽ mang lại nhiều lợi ích: Xây dựng niềm tin với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư khi doanh nghiệp thể hiện rõ trách nhiệm bảo vệ dữ liệu; Giảm thiểu rủi ro từ các cuộc tấn công mạng, mất mát dữ liệu, gián đoạn hoạt động, đặc biệt với doanh nghiệp tham gia

thương mại quốc tế, cần tuân thủ tiêu chuẩn toàn cầu; Tối ưu chi phí lâu dài: đầu tư cho bảo mật sớm đôi khi rẻ hơn rất nhiều so với chi phí phục hồi sau sự cố. Tăng năng lực cạnh tranh, nhất là trong môi trường kinh doanh số nơi mà bảo mật thông tin đã trở thành yêu cầu tiêu chuẩn.

Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng dễ dàng áp dụng đầy đủ ISO/IEC 27002. Do chứa nhiều biện pháp và khuyến nghị, doanh nghiệp cần có khả năng đánh giá rủi ro, nguồn lực phù hợp và sự cam kết từ lãnh đạo để triển khai toàn diện. Với doanh nghiệp vừa và nhỏ, có thể cần lựa chọn các biện pháp phù hợp với quy mô và thực trạng./.

0

TIÊU CHUẨN ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN AI AN TOÀN MINH BẠCH VÀ BỀN VỮNG

Trong bối cảnh AI ngày càng ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực - từ y tế, giáo dục, tài chính, đến quản lý nhà nước việc đảm bảo AI hoạt động an toàn, công bằng và đáng tin cậy không còn là lựa chọn mà trở thành yêu cầu bắt buộc. Ở đó, vai trò của tiêu chuẩn hóa được xem như một trong những nền tảng quan trọng nhất để quản trị AI hiệu quả.

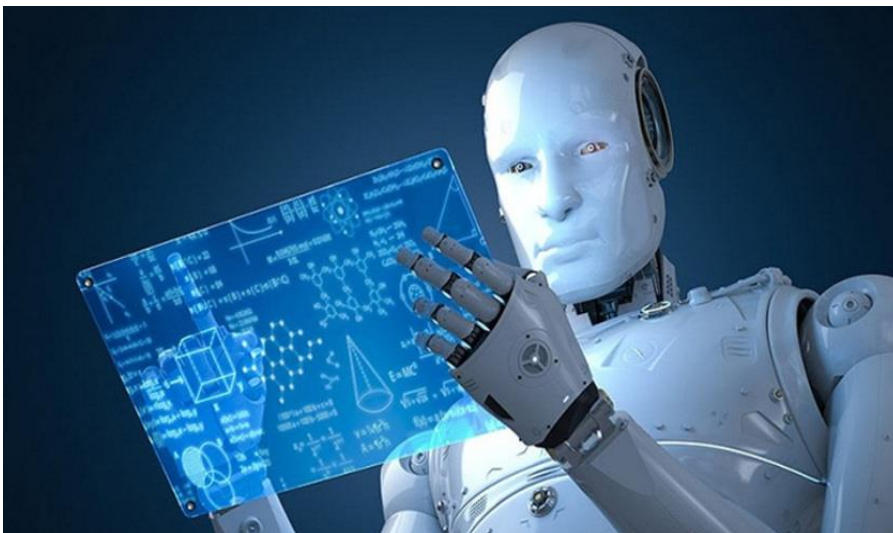
Tiêu chuẩn trong lĩnh vực AI cung cấp “ngôn ngữ chung”, bộ khung quy tắc và quy trình kỹ thuật giúp các bên - từ nhà phát triển, doanh nghiệp, nhà quản lý đến người dùng cuối

hiểu rõ AI được thiết kế, phát triển và sử dụng như thế nào một cách minh bạch.

Cụ thể, các tiêu chuẩn quốc tế đóng vai trò định hình nguyên tắc cơ bản: từ từ vựng, khái niệm, đến khung quản lý vòng đời hệ thống AI, quản lý rủi ro, bảo mật dữ liệu, minh bạch quyết định, độ tin cậy và tính tương thích giữa các hệ thống. Nhờ đó, tiêu chuẩn không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng áp dụng AI mà còn giúp các quốc gia, cơ quan quản lý xây dựng khung nền tảng pháp lý, quản trị công nghệ một cách khoa học và đồng bộ.

AI mang lại rất nhiều lợi ích nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ: từ sai lệch dữ liệu (bias), vi phạm quyền riêng tư, thiếu minh bạch, đến việc hệ thống đưa ra quyết định khó giải thích. Khi AI được “phóng to” ở quy mô lớn, sử dụng trong các lĩnh vực nhạy cảm như y tế, tài chính, tuyển dụng, những rủi ro này càng nghiêm trọng.

Tiêu chuẩn giúp thiết lập các yêu cầu chuẩn mực để phát hiện, đánh giá và giảm thiểu rủi



ro từ giai đoạn thiết kế, phát triển, vận hành đến bảo trì hệ thống AI. Điều này bao gồm bảo vệ dữ liệu cá nhân, đảm bảo quyền riêng tư, kiểm soát sai lệch thuật toán, minh bạch hóa quá trình ra quyết định và tạo điều kiện giám sát, kiểm định để khi xảy ra sự cố, có thể rà soát lại quy trình, trách nhiệm và xử lý kịp thời.

Nhờ tiêu chuẩn, doanh nghiệp có thể áp dụng “AI có trách nhiệm”, xây dựng lòng tin với khách hàng, đối tác và cộng đồng - điều ngày càng quan trọng trong kỷ nguyên số. Không chỉ dừng lại ở quản lý, tiêu chuẩn hóa còn mở đường cho đổi mới sáng tạo. Khi có khung tiêu chuẩn rõ ràng, các doanh nghiệp, tổ chức dễ dàng phát triển và triển khai các giải pháp AI

mà không bị “chùn tay” vì lo ngại rủi ro pháp lý hoặc đạo đức.

Hơn nữa, tiêu chuẩn quốc tế giúp AI “dễ xuất khẩu”: sản phẩm, dịch vụ AI tuân thủ chuẩn quốc tế sẽ dễ dàng hòa nhập thị trường toàn cầu, được đối tác, khách hàng quốc tế chấp nhận. Điều này đặc biệt quan trọng khi AI đang trở thành nhân tố cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia trong cuộc đua công nghệ. Đối với tổ chức, doanh nghiệp, nhất là trong ngành ICT, tài chính, y tế, việc tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về AI không chỉ giúp tăng uy tín mà còn là lợi thế cạnh tranh, mở rộng cơ hội hợp tác và phát triển./.

0

TCVN ISO 9001:2015 TẠO CHUYỂN BIẾN RÕ NÉT TRONG NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Việc chuyển đổi và áp dụng TCVN ISO 9001:2015 được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng, tạo chuyển biến rõ nét trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch.



Thời gian qua, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cũng như tăng cường năng lực quản lý, điều hành trong các cơ quan nhà nước, nhiều bộ, ngành và địa phương trên cả nước đã tích cực triển khai áp dụng Hệ thống quản lý

chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Tại Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, việc chuyển đổi và áp dụng TCVN ISO 9001:2015 được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

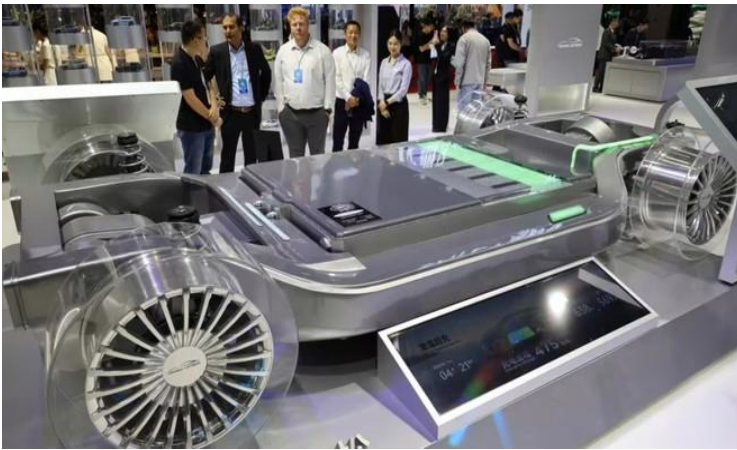
Tính đến hết năm 2024, 10/12 cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc chuyển áp dụng TCVN ISO 9001:2015, 02/12 đơn vị gồm Cục Thể dục thể thao, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam chưa thực hiện việc áp TCVN ISO 9001:2015 do cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ có sự thay đổi, điều chỉnh, sắp xếp lại.

Việc áp dụng TCVN ISO 9001:2015 tại Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã và đang tạo chuyển biến rõ nét trong tư duy và phương thức quản lý hành chính. Đây không chỉ là công cụ kỹ thuật giúp chuẩn hóa quy trình, mà còn là nền tảng quan trọng thúc đẩy đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới xây dựng nền hành chính công hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả./.

0

TIÊU CHUẨN MỚI GIÚP TĂNG CƯỜNG AN TOÀN PIN VÀ HÓA CHẤT

ASTM International công bố đang phát triển tiêu chuẩn mới mang mã hiệu WK95114 nhằm thống nhất quy định kỹ thuật cho các thiết bị nhiệt lượng kế gia tốc (ARC). Thiết bị này đóng vai trò quan trọng trong đánh giá nguy cơ mất kiểm soát nhiệt đối với vật liệu dễ cháy, pin dùng trong thiết bị điện tử hoặc ô tô điện, và các hóa chất công nghiệp.



Hiện nay, do chưa có quy chuẩn thống nhất, các phòng thí nghiệm và doanh nghiệp khi sử dụng ARC có thể cho ra kết quả khác nhau, gây khó khăn khi đánh giá mức độ an toàn theo chuẩn chung. Với tiêu chuẩn WK95114, ASTM đặt mục tiêu thiết lập khung thử nghiệm tiêu chuẩn, nhằm đảm bảo các đánh giá như nguy cơ quá nhiệt, cháy nổ hay phản ứng nhiệt bất ngờ đều được thực hiện theo cùng một phương pháp đáng tin cậy.

Theo ông Xiaowei Guo, thành viên ASTM tham gia phát triển tiêu chuẩn, WK95114 sẽ trở thành chuẩn mực an toàn then chốt cho

hiều ngành: từ pin điện thoại, pin máy tính xách tay, pin xe điện, đến các sản phẩm hóa chất sử dụng trong đời sống và công nghiệp. “ARC giống như một ‘thiết bị kiểm tra ứng suất’ giúp phát hiện sớm sự tích tụ nhiệt nguy hiểm”, ông Guo ví von.

Một khi được áp dụng rộng rãi, tiêu chuẩn mới không chỉ hỗ trợ các nhà sản xuất thiết kế và kiểm soát an toàn pin, vật liệu và hóa chất tốt hơn, mà còn giúp cơ quan quản lý dễ dàng phát hiện và can thiệp sớm khi có nguy cơ xảy ra sự cố. Điều này góp phần giảm thiểu rủi ro cháy nổ, hỏa hoạn, cũng như các thiệt hại về người và tài sản.

Đáng chú ý, việc chuẩn hóa thử nghiệm nhiệt lượng cũng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển các vật liệu an toàn, giúp doanh nghiệp sản xuất “sạch hơn”, đồng thời góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu. ASTM cho rằng, tiêu chuẩn mới sẽ hỗ trợ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc như năng lượng sạch và an toàn, công nghiệp bền vững, tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm.

Việc ASTM phát triển WK95114 cho thấy xu hướng toàn cầu hướng tới tiêu chuẩn hóa an toàn kỹ thuật trong sản xuất và thử nghiệm. Khi tiêu chuẩn được hoàn thiện và phổ biến, nó có thể giúp doanh nghiệp và người tiêu dùng yên tâm hơn trong việc sử dụng pin, vật liệu hóa chất, đồng thời góp phần xây dựng hệ sinh thái sản xuất, tiêu dùng an toàn và bền vững./.

0

TIÊU CHUẨN CANH TÁC CHÍNH XÁC HỖ TRỢ SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC BỀN VỮNG

Việc ứng dụng dữ liệu và các tiêu chuẩn quốc tế không chỉ giúp nâng cao năng suất, giảm lãng phí tài nguyên mà còn mở ra con đường phát triển bền vững cho ngành sản xuất thực phẩm toàn cầu.

Trước thềm thách thức khi dân số toàn cầu dự kiến đạt gần 10 tỷ người vào năm 2050, ngành nông nghiệp toàn cầu đang đứng trước sức ép chưa từng có: làm thế nào để tăng sản lượng lương thực mà vẫn bảo vệ môi trường,

tài nguyên và đa dạng sinh học. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp chính xác (precision farming) dựa trên mô hình canh tác dựa trên dữ liệu, cảm biến và công nghệ số đang nổi lên như chìa khóa để hướng tới một nền sản xuất thực phẩm bền vững. Theo phân tích của Viện Tiêu chuẩn Anh (British Standards Institution – BSI), việc ứng dụng công nghệ dữ liệu trong nông nghiệp, nếu được quản lý và tiêu chuẩn hóa tốt, có thể giúp nâng cao hiệu suất, giảm thiểu lãng phí và bảo đảm an ninh lương thực dài hạn.

Ngành lương thực thực phẩm hiện là ngành kinh tế lớn nhất tại Vương quốc Anh, đồng thời đứng thứ tư toàn cầu với doanh thu 121,6 tỷ bảng Anh và hơn bốn triệu lao động. Tuy nhiên, diện tích đất canh tác ngày càng thu hẹp, trong khi nhu cầu tiêu dùng ngày một tăng nhanh khiến mô hình sản xuất truyền thống không còn phù hợp. Nông nghiệp chính xác ra đời như một giải pháp khoa học, dựa trên việc sử dụng dữ liệu chi tiết để xác định “bao nhiêu, ở đâu và khi nào” cần áp dụng các đầu vào nông nghiệp như nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hay hạt giống. Nhờ đó, nông dân có thể nâng cao năng suất trên từng mét vuông đất, đồng thời giảm thiểu tác động môi trường.

Một trong những ứng dụng điển hình là xây dựng bản đồ đất. Thông qua phân tích dữ liệu địa lý và cảm biến, nông dân có thể hiểu rõ sự khác biệt về thành phần đất trong từng khu vực nhỏ của cánh đồng. Dữ liệu này giúp họ tạo

ra “bản đồ đơn thuốc” chỉ dẫn lượng hạt giống, phân bón hoặc nước tưới phù hợp với từng vị trí cụ thể. Các máy kéo được tích hợp GPS cùng thiết bị điều khiển tỷ lệ biến thiên (variable rate technology - VRT) có thể tự động điều chỉnh lượng gieo trồng hoặc bón phân theo bản đồ đó. Cách tiếp cận này không chỉ tối ưu hóa chi phí, mà còn giúp giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ chất lượng đất trong dài hạn.

Song song với việc ứng dụng công nghệ, hệ thống tiêu chuẩn hóa đóng vai trò nền tảng trong việc bảo đảm tính đồng bộ và an toàn cho nông nghiệp chính xác. BSI cho biết nhiều tiêu chuẩn quốc tế hiện đã và đang được phát triển để hướng dẫn việc sử dụng công nghệ số trong nông nghiệp. Chẳng hạn, Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 20/SC 16 về hệ thống máy bay không người lái (UAV) đang xây dựng các tiêu chuẩn cho việc sử dụng drone trong giám sát và quản lý cây trồng. Drone có thể thu thập dữ liệu hình ảnh độ phân giải cao, đo chỉ số NDVI để đánh giá sức khỏe cây trồng hoặc giám sát độ ẩm đất tất cả đều góp phần hỗ trợ ra quyết định chính xác hơn trong canh tác.

Một tiêu chuẩn quan trọng khác là BS 8001 – Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy), được xem là khung hướng dẫn giúp doanh nghiệp chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng bền vững. Tiêu chuẩn này đề ra sáu nguyên tắc cốt lõi, bao gồm tư duy hệ thống, đổi mới, cộng tác và tối ưu tài nguyên, từ đó

giúp các tổ chức trong chuỗi giá trị thực phẩm tích hợp tính tuần hoàn vào mọi giai đoạn sản xuất. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn BS EN ISO 25177 về chất lượng đất hướng dẫn mô tả và đánh giá đất trong nhiều bối cảnh – từ tự nhiên đến công nghiệp – giúp việc thu thập dữ liệu đất được thống nhất và có thể so sánh quốc tế. Khi những tiêu chuẩn



này được áp dụng rộng rãi, dữ liệu từ các thiết bị, phần mềm hay nền tảng khác nhau sẽ có khả năng “nói chuyện” với nhau, hình thành nên một hệ sinh thái nông nghiệp số thống nhất và minh bạch.

Tuy nhiên, nông nghiệp chính xác vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức thực tế. Theo báo cáo của Cơ quan Kiểm toán Chính phủ Hoa Kỳ (GAO), dù công nghệ nông nghiệp chính xác giúp tiết kiệm nước, phân bón và giảm ô nhiễm do chảy tràn dinh dưỡng, chi phí đầu tư ban đầu vẫn còn cao, đặc biệt đối với nông hộ nhỏ. Ngoài ra, vấn đề quyền sở hữu dữ liệu nông nghiệp, khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các nền

tảng và tính tương thích công nghệ vẫn là rào cản đáng kể. Các chuyên gia cho rằng cần có thêm khung pháp lý và tiêu chuẩn dữ liệu mở để bảo vệ quyền lợi nông dân và khuyến khích họ tham gia chuyển đổi số.

Có thể nói, trong cuộc chạy đua nuôi sống gần 10 tỷ người mà không phá vỡ cân bằng tự nhiên, nông nghiệp chính xác chính là bước tiến tất yếu. Dữ liệu, tiêu chuẩn và công nghệ – ba trụ cột của mô hình này – sẽ quyết định khả năng của nhân loại trong việc tạo dựng một hệ thống thực phẩm vừa dồi dào, vừa bền vững cho các thế hệ tương lai./.

0

CANADA BAN HÀNH TIÊU CHUẨN BẢN ĐỒ NGẬP LỤT TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU

Hội đồng Tiêu chuẩn Canada (SCC) công bố hai tiêu chuẩn mới về bản đồ ngập lụt do Tổ chức CSA Group phát triển. Các tiêu chuẩn này được xem là công cụ nền tảng giúp các địa phương, cơ quan quản lý và doanh nghiệp tại Canada chuẩn hóa dữ liệu, nâng cao năng lực dự báo và ứng phó với rủi ro ngập lụt trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng.

xác và nhất quán trở thành nhiệm vụ trọng yếu để các cộng đồng có thể chủ động thích ứng và giảm thiểu rủi ro. Nhằm giải quyết khoảng trống kỹ thuật trong việc lập bản đồ và quản lý dữ liệu ngập, Hội đồng Tiêu chuẩn Canada đã phối hợp với CSA Group phát triển hai tiêu chuẩn mới, mở rộng từ hướng dẫn kỹ thuật của Cơ quan Tài nguyên Thiên nhiên Canada (NRCan).



Ngập lụt hiện là một trong những rủi ro thiên tai có chi phí thiệt hại lớn nhất tại Canada. Trong bối cảnh tần suất và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, việc xây dựng bản đồ ngập lụt chính

Tiêu chuẩn đầu tiên, mang mã CSA W229.2:25 (Geomatics for flood mapping), là phiên bản đầu tiên dành riêng cho lĩnh vực bản đồ ngập lụt. Tiêu chuẩn này thiết lập các yêu cầu và khuyến nghị cụ thể đối với dữ liệu hình học – địa lý được sử dụng trong mô hình ngập, bao gồm hệ tọa độ, định dạng dữ liệu, cấu trúc lớp thông tin, cũng như yêu cầu về mô hình địa hình số (DTM) và ảnh viễn thám. Việc xác lập khung kỹ thuật thống nhất giúp đảm bảo tính tương thích, minh bạch và độ tin cậy của dữ liệu được sử dụng trên toàn quốc, đồng thời tạo điều kiện cho các ban

ngành cùng chia sẻ và cập nhật thông tin hiệu quả hơn.

Theo SCC, sự ra đời của hai tiêu chuẩn mới này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc củng cố khả năng chống chịu khí hậu của Canada. Các tiêu chuẩn không chỉ cung cấp công cụ kỹ thuật mà còn hỗ trợ chính quyền địa phương và các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ hơn về khu vực có nguy cơ ngập lụt, từ đó đưa ra quyết định quy hoạch và đầu tư phù hợp. SCC nhấn mạnh rằng việc có được “ngôn ngữ chung” trong thu thập và trình bày dữ liệu ngập lụt sẽ giúp quá trình ra quyết định trở nên nhất quán, khoa học và minh bạch hơn.

Cùng với việc chuẩn hóa dữ liệu, chính phủ Canada đang đẩy mạnh các chương trình đầu tư cho hoạt động bản đồ hóa và thích ứng ngập lụt. Tháng 6 năm 2025, Chính phủ Liên bang đã công bố gói hỗ trợ 6,8 triệu đô la Canada cho 20 dự án trên toàn quốc, nằm trong khuôn khổ Chương trình Nhận diện và Lập bản đồ Rủi ro Ngập lụt (FHIMP). Chương trình này tập trung vào việc mở rộng mô hình thủy văn vùng, tích hợp dữ liệu khí hậu tương lai và kết hợp tri thức bản địa vào công tác dự báo và ứng phó.

Các nhà khoa học và chuyên gia môi trường cho rằng, việc phát triển bản đồ ngập lụt dựa trên dữ liệu lịch sử không còn đủ để phản ánh đúng mức độ rủi ro trong bối cảnh khí hậu đang thay đổi nhanh chóng. Việc tích hợp kịch bản khí hậu tương lai và dữ liệu địa

hình cập nhật, như trong tiêu chuẩn CSA W229.2:25, sẽ giúp các nhà quy hoạch và kỹ sư có cái nhìn chính xác hơn khi thiết kế hạ tầng hoặc quy hoạch không gian đô thị. Những bản đồ được xây dựng theo chuẩn mới không chỉ giúp xác định vùng ngập tiềm năng mà còn hỗ trợ hoạch định chiến lược đầu tư, phát triển cộng đồng an toàn và bền vững hơn.

Tuy nhiên, việc có tiêu chuẩn tốt mới chỉ là một nửa chặng đường. Các chuyên gia nhấn mạnh rằng thành công thực sự phụ thuộc vào khả năng đưa các bản đồ này vào thực tế – từ quy hoạch sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đến kế hoạch ứng phó khẩn cấp. Cần có cơ chế cập nhật định kỳ, chia sẻ dữ liệu mở và đào tạo nhân lực để đảm bảo rằng thông tin bản đồ được sử dụng đúng mục đích, kịp thời và hiệu quả. Khi đó, bản đồ ngập lụt sẽ không chỉ là công cụ kỹ thuật mà trở thành nền tảng giúp cộng đồng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việc ban hành hai tiêu chuẩn bản đồ ngập lụt mới thể hiện quyết tâm của Canada trong việc xây dựng một hệ thống quản lý rủi ro khí hậu dựa trên bằng chứng khoa học. Đây không chỉ là bước đi quan trọng trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa mà còn là nền tảng để hình thành các cộng đồng an toàn, kiên cường hơn trước các thách thức khí hậu trong tương lai./.

0

ASTM PHÊ DUYỆT TIÊU CHUẨN MỚI CHO DẦU QUY TRÌNH TỪ NHỰA THẢI

ASTM International chính thức thông qua tiêu chuẩn mới mang mã D8577 nhằm khắc phục khoảng trống trong ngành dầu từ nhựa thải (WPPO - Waste Plastic Process Oils).

ASTM mới đây đã phê duyệt tiêu chuẩn D8577, bước đi đầu tiên nhằm thống nhất phương pháp thử nghiệm phân tích WPPO – loại dầu chế tạo từ hỗn hợp nhựa thải. Tiêu chuẩn được xây dựng bởi Tiểu ban sản phẩm

tái chế D02.P0, thuộc Ủy ban D02 về sản phẩm dầu mỏ, nhiên liệu và chất bôi trơn.

Theo lời ông Jean François Borny, Senior Manager tại Lummus Technology và là thành viên ASTM, “Hướng dẫn này là bước đầu tiên hướng tới sự thống nhất trong thử nghiệm phân tích WPPO. Trong một thế giới cần làm tốt hơn việc tái sử dụng phần nhựa thừa, chúng ta phải có sự đồng thuận về cách phân tích sản phẩm thu được từ nguồn cấp hỗn hợp nhựa



thải. Điều này giúp WPPO có tiềm năng được tái sử dụng cho nhiều nhu cầu nhiên liệu và các vật liệu tái chế khác, góp phần xây dựng một thế giới xanh hơn.”

Việc thiết lập tiêu chuẩn D8577 được xem là rất cần thiết bởi ngành công nghiệp WPPO đang mở rộng nhưng chưa có quy định chung về việc thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm. Sự thiếu vắng tiêu chuẩn khiến việc kiểm soát chất lượng, đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng WPPO gặp nhiều khó khăn. Với D8577,

người dùng và nhà sản xuất có hướng dẫn rõ ràng về cách phân tích WPPO - từ đó tăng cường tính tin cậy và khả năng áp dụng trong thực tế.

ASTM cũng khuyến khích các cá nhân và tổ chức tham gia vào quá trình phát triển tiêu chuẩn, thông qua việc trở thành thành viên của ASTM. Việc này không chỉ giúp mở rộng mạng lưới chuyên gia mà còn tạo điều kiện cho việc cập nhật và cải tiến

tiêu chuẩn trong tương lai.

Tiêu chuẩn mới này cũng gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững của United Nations, đặc biệt là nhóm mục tiêu liên quan đến sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm (SDG 12). Với việc đưa WPPO vào chu trình kinh tế tái sử dụng, nó góp phần giảm lượng nhựa thải ra môi trường và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn./.

0

ISO BAN HÀNH BỘ TIÊU CHUẨN MỚI VỀ LỚP PHỦ ĐẤT VÀ SỬ DỤNG ĐẤT

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) đã phối hợp cùng tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) ban hành bộ tiêu chuẩn mới liên quan đến lớp che phủ đất và sử dụng đất.



Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) và tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) vừa công bố bộ tiêu chuẩn quốc tế mới mang tên ISO 19144, tập trung vào lĩnh vực che phủ đất (land cover) và sử dụng đất (land use).

Đây được coi là bước tiến quan trọng nhằm tạo ra một hệ thống phân loại, mô tả và chia sẻ dữ liệu đất đai thống nhất trên toàn cầu, phục vụ cho nhiều mục tiêu từ quản lý tài nguyên đến phát triển bền vững.

Trong nhiều thập kỷ, vấn đề thiếu tính nhất quán trong việc thu thập và phân tích dữ liệu đất đai đã gây ra không ít trở ngại cho công tác quản lý và hợp tác quốc tế. Các quốc gia, tổ chức thường áp dụng những hệ thống phân loại riêng, dẫn đến khó

khăn trong so sánh, tích hợp và báo cáo. Sự ra đời của ISO 19144 được kỳ vọng sẽ khắc phục hạn chế này, thông qua việc thiết lập một khung chuẩn chung giúp các hệ thống dữ liệu có thể tương tác và liên thông.

Bộ tiêu chuẩn ISO 19144 gồm ba phần chính. Đầu tiên, ISO 19144-1: Classification System Structure (Cấu trúc hệ thống phân loại) đặt nền tảng cho cấu trúc hệ thống phân loại, cho phép liên kết giữa các mô hình hiện có và tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh dữ liệu ở nhiều cấp độ khác nhau. Tiếp đó, ISO 19144-2: Land Cover Meta Language (Ngôn ngữ siêu dữ liệu về lớp đất che phủ) tập trung vào việc chuẩn hóa ngôn ngữ siêu dữ liệu cho đất che phủ, nhằm đảm bảo tính minh bạch về nguồn gốc, độ tin cậy, thời gian và phạm vi địa lý khi chia sẻ thông tin. Phần cuối, ISO 19144-3: Land Use Meta Language (Ngôn ngữ siêu dữ liệu cho đất sử dụng), cung cấp khung mô tả chuẩn cho dữ liệu sử dụng đất, từ mục đích khai thác đến phương thức quản lý và biến đổi qua thời gian. FAO nhấn mạnh rằng đất không chỉ là tài

nguyên hữu hạn mà còn là yếu tố nền tảng trong việc đạt được nhiều Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), bao gồm an ninh lương thực, ứng phó biến đổi khí hậu, phục hồi hệ sinh thái, giảm thiểu thiên tai và bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với áp lực ngày càng lớn về tài nguyên, việc thiết lập bộ tiêu chuẩn quốc tế cho dữ liệu đất đai sẽ góp phần nâng cao tính chính xác và khả năng so sánh của các báo cáo quốc gia, đồng thời hỗ trợ hoạch định chính sách ở tầm khu vực và toàn cầu.

Việc triển khai bộ tiêu chuẩn ISO 19144 đòi hỏi sự đầu tư đồng bộ về nhân lực và công nghệ. Các quốc gia cần đào tạo chuyên gia, áp dụng công cụ hiện đại để thu thập và xử lý dữ liệu, đồng thời xây dựng cơ chế chia sẻ minh bạch, cởi mở. FAO cam kết sẽ hỗ trợ các nước thành viên, đặc biệt là những quốc gia đang phát triển, nhằm đảm bảo mọi bên đều có thể tham gia vào hệ thống dữ liệu chung, hướng tới quản lý đất đai hiệu quả và công bằng./.

0

ĐÃ CÓ KHOẢNG 400 TIÊU CHUẨN VỀ THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đang trở thành công cụ kỹ thuật nền tảng để Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Hiện đã có khoảng 400 TCVN trực tiếp liên quan đến chuyển đổi xanh, góp phần thực thi các cam kết quốc gia và quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050.

Theo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, công tác tiêu chuẩn hóa gần đây gắn chặt với ưu tiên quốc gia: tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và ứng phó biến đổi khí hậu. Hướng đi này đồng bộ với ISO, IEC, ITU và các tổ chức khu vực, đảm bảo hội nhập cho hệ thống TCVN.

Tiêu chuẩn tạo ngôn ngữ chung, định hình tiêu chí kỹ thuật, chỉ số đo lường và công cụ đánh giá cho hoạch định chính sách, sản xuất, thương mại sản phẩm - dịch vụ xanh. Chúng thúc đẩy đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu suất tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và mở rộng thị trường quốc tế. Hơn nữa, tiêu chuẩn là nền tảng cho chứng nhận, dán nhãn sinh thái, tín chỉ carbon và đánh giá ESG, xây dựng thị trường xanh minh bạch.

Đại diện Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên (Bộ Khoa học và Công nghệ) nhấn mạnh: “Muốn chuyển đổi xanh phải có tiêu chuẩn xanh”. Tiêu chuẩn dẫn dắt quốc gia đến mục tiêu mong muốn, đồng thời hỗ trợ hợp tác xây dựng bộ tiêu chuẩn xanh toàn cầu. Bộ Khoa học và Công nghệ xác định xây dựng tiêu chuẩn

xanh là nhiệm vụ then chốt, với 5 đột phá chiến lược, bao gồm tiêu chí đánh giá vòng đời sản phẩm, đo lường phát thải và hiệu suất năng lượng.

Hiện nay, khoảng 400 TCVN phục vụ chuyển đổi xanh bao phủ quản lý môi trường, khí nhà kính, năng lượng tái tạo, quản lý năng lượng, nông nghiệp bền vững, kinh tế tuần hoàn, đô thị thông minh, giao thông xanh và nhiên liệu mới. Phần lớn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, hỗ trợ thực thi quy định bảo vệ môi trường và thu hút tài chính xanh, công nghệ sạch.

Cụ thể: trong lĩnh vực Quản lý môi trường và khí nhà kính: 30 TCVN về môi trường, 13 TCVN về khí nhà kính, dựa trên ISO 14000, ISO 14064, ISO 46001. Chúng hỗ trợ kiểm kê, giảm phát thải, triển khai thị trường carbon và thích ứng kinh tế thấp carbon.

Về Quản lý năng lượng: Hơn 40 TCVN, trong đó 37 về hiệu suất năng lượng cho thiết bị gia dụng, thương mại, công nghiệp. Bộ TCVN ISO 50001 định hình quản lý năng lượng công nghiệp, thúc đẩy tiết kiệm và đổi mới.

Về Năng lượng tái tạo: 34 TCVN điện gió, 40 TCVN điện mặt trời, 18 TCVN pin lưu trữ, 7 TCVN pin nhiên liệu. Dù chưa có TCVN về hydro, Việt Nam đang lập kế hoạch hài hòa với ISO/TC197 và IEC TC105 để phát triển hạ tầng năng lượng xanh mới.

Về Nông nghiệp bền vững: 12 TCVN nông nghiệp hữu cơ và VietGAP (TCVN 11041, 11892, 13528), kết hợp quản lý an toàn thực phẩm, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, canh tác thân thiện môi trường và xuất khẩu.

Về Kinh tế tuần hoàn: TCVN về tái chế, ghi nhãn, thu hồi, thiết kế bao bì xanh, đánh giá vật liệu tái chế, khép kín vòng đời sản phẩm, giảm rác thải nhựa.

Các bộ tiêu chuẩn tiêu biểu như ISO 14000 (35 TCVN về quản lý môi trường, đánh giá vòng đời, nhãn sinh thái) và 27 TCVN dán nhãn năng lượng cho 21 thiết bị đã giảm chi phí năng lượng, mở rộng xuất khẩu, nâng cao năng lực doanh nghiệp và ý thức cộng đồng.

Dù đạt nhiều tiến bộ, hệ thống TCVN vẫn tồn tại khoảng trống ở lĩnh vực mới như nhiên liệu xanh, kinh tế tuần hoàn, đô thị thông minh. Chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo là lựa chọn chiến lược để phát triển nhanh, bền vững.

Với nền tảng hiện có, Việt Nam đang vững bước hội nhập, biến cam kết Net Zero thành hiện thực qua hệ thống tiêu chuẩn xanh ngày càng hoàn thiện.

Hệ thống TCVN đã vượt mốc 14.200 tiêu chuẩn, với tỷ lệ hài hòa quốc tế khoảng 63%, bao trùm mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội./.

0



XÂY DỰNG 17 TIÊU CHUẨN MỚI VỀ HALAL ĐỒNG BỘ VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Halal toàn cầu được đánh giá có giá trị hàng nghìn tỷ USD mỗi năm, đang là “miếng mồi béo bở” mà doanh nghiệp Việt Nam không thể bỏ lỡ.

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã giao Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam phối hợp các ban kỹ thuật đề xuất 17 TCVN mới, gồm:

- 3 tiêu chuẩn chung về sản phẩm, dịch vụ Halal;

- 14 tiêu chuẩn chuyên sâu về thực phẩm Halal, bao gồm soát xét TCVN 12944:2020 – Yêu cầu chung thực phẩm Halal.

Mục tiêu là xây dựng bộ tiêu chuẩn đầy đủ, nhất quán, đáp ứng cả nhu cầu nội địa lẫn yêu cầu quốc tế – đặc biệt hài hòa với tiêu chuẩn của OIC và



Để nắm bắt cơ hội, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) quyết liệt đẩy mạnh xây dựng 17 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) mới về Halal, hướng tới hệ thống đồng bộ, chuẩn quốc tế.

Tại hội nghị sơ kết Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”, ông Nguyễn Nam Hải – Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia – khẳng định: Phát triển Halal phải dựa trên ba trụ cột cốt lõi: hoàn thiện tiêu chuẩn, nâng tầm chứng nhận và tăng cường quản lý nhà nước. Trong đó, TCVN chính là nền móng cho mọi hoạt động chất lượng.

Hiện Việt Nam đã có 6 TCVN trực tiếp về Halal, gồm 4 tiêu chuẩn cho chuỗi thực phẩm (yêu cầu chung, giết mổ, thực hành nông nghiệp tốt, thức ăn chăn nuôi), 1 tiêu chuẩn du lịch thân thiện Hồi giáo và 1 tiêu chuẩn tổ chức chứng nhận Halal. Tuy nhiên, để vươn xa, cần mở rộng hơn nữa.

SMIIC.

Về chứng nhận, ba tổ chức trong nước đã được cấp phép, trao hơn 1.000 chứng chỉ Halal cho doanh nghiệp – minh chứng cho sức hút và sự sẵn sàng của cộng đồng kinh doanh Việt. Song thách thức vẫn lớn, đó là chưa có sự thống nhất toàn cầu về tiêu chuẩn Halal; mỗi thị trường (Malaysia, Indonesia, vùng Vịnh, Thổ Nhĩ Kỳ...) có hệ thống công nhận riêng. Một số quốc gia yêu cầu tổ chức chứng nhận phải do người Hồi giáo sở hữu, gây khó khăn cho các đơn vị Việt Nam, nhất là tổ chức công lập. Trước thực tế đó, quản lý nhà nước trở thành “đòn bẩy” then chốt. Bộ KH&CN đang mở rộng hợp tác quốc tế: Ký biên bản với INSO (Iran), thỏa thuận kỹ thuật với SASO (Saudi Arabia), làm việc với MoIAT (UAE); đồng thời trao đổi sâu với GAC, SMIIC, HAK (Thổ Nhĩ Kỳ).

Xây dựng hành lang pháp lý: Chủ trì Dự thảo Nghị định về quản lý chất lượng và phát triển Halal, tập trung: Thống nhất quản lý chất lượng; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, xúc

tiền thương mại; Phân định rõ trách nhiệm cơ quan nhà nước.

Ông Nguyễn Nam Hải nhấn mạnh: Nghị định Halal sớm ra đời, kết hợp ngoại giao tiêu chuẩn để tháo gỡ rào cản công nhận quốc tế, sẽ là chìa khóa vàng mở cửa thị trường Halal toàn cầu.

Với chiến lược bài bản – từ tiêu chuẩn, chứng nhận đến chính sách – Việt Nam đang vững bước biến thách thức thành cơ hội, đưa hàng hóa “Made in Vietnam” ghi dấu ấn mạnh mẽ trên bản đồ Halal thế giới./.

0

CÔNG BỐ DỰ ÁN NGHIÊN CỨU BỘ TIÊU CHUẨN HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Hội Môi giới bất động sản Việt Nam vừa công bố dự án nghiên cứu Bộ Tiêu chuẩn hành nghề môi giới bất động sản (VREB), dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng.



Theo ông Nguyễn Văn Đính, Chủ tịch Hội này, nghề môi giới đã trở thành cầu nối không thể thiếu giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư và khách hàng, song vẫn thiếu một hệ thống tiêu chuẩn đánh giá năng lực thống nhất.

“Chúng chỉ hành nghề hiện nay chủ yếu đánh giá kiến thức pháp lý, chưa thể hiện đầy đủ năng lực thực hành, kỹ năng tư vấn và đạo đức nghề nghiệp. Bộ tiêu chuẩn VREB sẽ là thước đo toàn diện, giúp nghề môi giới Việt Nam phát triển chuyên nghiệp, bền vững” ông Đính nhấn mạnh.

Dự án được xây dựng dựa trên các mô hình tiêu chuẩn quốc tế (Singapore, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Úc...) kết hợp khảo sát thực tế hàng trăm doanh nghiệp, sàn giao dịch và cá nhân hành nghề trong nước.

Bộ tiêu chuẩn VREB được thiết kế như một khung năng lực toàn diện, phản ánh đồng thời kiến thức, kỹ năng, đạo đức và năng lực thực hành, tuân thủ pháp luật đồng thời có thể đo lường, đánh giá và phân hạng năng lực hành nghề của cá nhân và tổ chức.

Đặc biệt, dự án có sự tham gia của hội đồng cố vấn chuyên gia và hội đồng thẩm định độc lập, quy tụ nguyên lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực tài chính, kinh tế, bất động sản, pháp luật, cùng đại diện hơn 20 doanh nghiệp và sàn giao dịch bất động sản hàng đầu Việt Nam.

Đây là lần đầu tiên trong lĩnh vực bất động sản Việt Nam, một bộ tiêu chuẩn nghề nghiệp được xây

dựng dựa trên phản hồi của chính cộng đồng hành nghề, đảm bảo tính công khai, minh bạch và phản ánh đúng thực tiễn thị trường. Đây không chỉ là bước tiến trong đào tạo, mà còn là công cụ quản trị nhân sự, định vị thương hiệu và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sàn giao dịch. Khi được ban hành và áp dụng rộng rãi, VREB sẽ trở thành “tấm hộ chiếu nghề nghiệp” của lực lượng môi giới Việt Nam, là nền tảng cho hệ thống đào tạo – chứng nhận – xếp hạng – vinh danh nghề nghiệp.

Bộ tiêu chuẩn cũng là công cụ giúp cơ quan quản lý nhà nước giám sát hiệu quả hoạt động hành nghề, hỗ trợ hoạch định chính sách, đồng thời nâng cao niềm tin của khách hàng và nhà đầu tư./.

0

TCVN 13933:2024 – BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG TRONG ĐÁNH GIÁ SUY THOÁI BÊ TÔNG DO CACBONAT HÓA

Trước tốc độ đô thị hóa nhanh và tác động khắc nghiệt của khí hậu, hiện tượng bê tông bị suy giảm chất lượng do cacbonat hóa đang trở thành vấn đề nổi cộm trong xây dựng tại Việt Nam. Việc ban hành tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13933:2024 được xem là bước đi quan trọng nhằm kiểm soát, đánh giá và bảo vệ độ bền công trình. Đồng thời giúp ngành xây dựng có công cụ thống nhất, khoa học và minh bạch hơn để nhận diện mức độ tổn thương của bê tông trước khi quá muộn.



Những năm gần đây, hiện tượng bê tông xuống cấp ở nhiều công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật diễn ra nhanh hơn so với thiết kế ban đầu. Từ các trụ cầu vượt, cột điện, tầng hầm chung cư đến những tuyến kè ven biển, không ít kết cấu xuất hiện nứt bề mặt, bong tróc lớp bê tông bảo vệ, để lộ cốt thép rỉ sét. Các chuyên gia cho rằng một trong những nguyên nhân quan trọng nhưng thường bị bỏ qua chính là quá trình cacbonat hóa – phản ứng hóa học giữa CO₂ trong không khí và hydroxit canxi

trong bê tông khiến pH giảm, phá vỡ lớp bảo vệ cốt thép, gia tăng nguy cơ ăn mòn.

Trong điều kiện khí hậu nóng ẩm đặc thù của Việt Nam, quá trình này diễn ra nhanh hơn do chu kỳ ẩm – khô liên tục. Tại các đô thị lớn, mật độ giao thông và hoạt động công nghiệp làm nồng độ CO₂ tăng cao, thúc đẩy tốc độ cacbonat hóa. Các công trình gần biển lại phải đối mặt với sự cộng hưởng giữa muối và CO₂, khiến lớp bảo vệ cốt thép bị suy yếu mạnh hơn. Không ít công trình mới chỉ khai thác 10–15 năm đã có dấu hiệu xuống cấp, buộc chủ đầu tư phải sửa chữa tốn kém hoặc tăng tần suất theo dõi.

Thực tế cho thấy việc đánh giá mức độ cacbonat hóa ở nhiều dự án còn mang tính cảm tính, phụ thuộc kinh nghiệm cá nhân của kỹ thuật viên. Một số hiện trường kiểm tra vẫn sử dụng phương pháp thủ công, thiếu quy trình chuẩn, dẫn tới sai số lớn và gây khó khăn khi đưa ra kết luận. Điều đáng nói là nhiều chủ đầu tư chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc đo chiều sâu cacbonat hóa định kỳ, nhất là với các công trình có thời gian sử dụng dài hoặc

chịu tác động môi trường mạnh.

Sự thiếu thống nhất trong kỹ thuật đo lường không chỉ gây cản trở cho công tác giám thu, bảo trì và đánh giá tuổi thọ còn lại của công trình. Trong bối cảnh yêu cầu an toàn công trình ngày càng khắt khe, đặc biệt với hạ tầng trọng điểm, việc sở hữu một tiêu chuẩn quốc gia thống nhất trở thành nhu cầu cấp thiết. Đây cũng là lý do sự ra đời của TCVN 13933:2024 – Bê tông: Phương pháp đo chiều sâu cacbonat

hóa nhận được sự quan tâm lớn từ các đơn vị thi công, viện nghiên cứu và cơ quan quản lý.

Sự ban hành của TCVN 13933:2024 được xem là dấu mốc quan trọng giúp ngành xây dựng Việt Nam có cơ sở kỹ thuật rõ ràng để đo lường, kiểm chứng và theo dõi mức độ cacbonat hóa trong bê tông. Tiêu chuẩn yêu cầu cụ thể cách lấy mẫu, bảo quản và xử lý mẫu bê tông; phương pháp sử dụng chỉ thị màu như phenolphthalein để xác định ranh giới vùng cacbonat hóa; cùng quy trình đánh giá chiều sâu với độ chính xác cao hơn trước đây. Nhờ đó, các bên liên quan từ tư vấn giám sát, nhà thầu, phòng thí nghiệm đến chủ đầu tư có thể áp dụng cùng một hệ quy chiếu, hạn chế tối đa mâu thuẫn trong giám định.

Điểm đáng chú ý của tiêu chuẩn là nhấn mạnh sự cần thiết của việc đo chiều sâu tại nhiều vị trí đại diện, bao gồm cả bề mặt chịu tác động trực tiếp của môi trường và các vùng khuất, nhằm phản ánh đúng mức độ suy giảm của kết cấu. Đồng thời, tiêu chuẩn yêu cầu các kết quả phải được ghi chép, lưu giữ hệ thống để phục vụ đánh giá tuổi thọ còn lại và lập kế hoạch bảo trì dài hạn.

Với cách tiếp cận này, TCVN 13933:2024 không chỉ là bộ hướng dẫn kỹ thuật đơn thuần mà còn là công cụ giúp cơ quan quản lý minh bạch hóa quy trình kiểm định chất lượng công trình./.

0

LÁ CHẮN MỚI BẢO VỆ THIẾT BỊ ĐIỂM CUỐI TRƯỚC CÁC CUỘC TẤN CÔNG

Khi các mục tiêu tấn công chuyển dần từ trung tâm dữ liệu sang thiết bị đầu cuối, nhu cầu bảo vệ điểm cuối trở thành ưu tiên hàng đầu với mọi tổ chức. Sự ra đời của TCVN 14106:2024 được kỳ vọng đặt ra chuẩn mực thống nhất, giúp thị trường an ninh mạng vận hành minh bạch và an toàn hơn.



Trong vài năm trở lại đây, hệ sinh thái số tại Việt Nam phát triển với tốc độ chưa từng có. Sự mở rộng không gian số cũng kéo theo những nguy cơ mới: nếu trước đây tin tặc chủ yếu nhắm vào máy chủ hay trung tâm dữ liệu, thì nay thiết bị đầu cuối (endpoint) – máy tính cá

nhân, điện thoại, máy trạm – trở thành mục tiêu hàng đầu. Chỉ một điểm cuối bị xâm nhập cũng đủ mở cánh cửa cho tội phạm mạng chiếm quyền truy cập, leo thang đặc quyền và triển khai mã độc vào toàn bộ hệ thống.

Thực tế tại Việt Nam cho thấy số vụ tấn công bằng mã độc tống tiền, đánh cắp dữ liệu và tấn công có chủ đích (APT) liên tục tăng, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, năng lượng, y tế và cơ quan nhà nước. Các báo cáo kỹ thuật nhiều lần cảnh báo tỷ lệ tấn công vào thiết bị đầu cuối ở Việt Nam nằm trong nhóm cao của khu vực, nhất là khi mô hình làm việc từ xa trở nên phổ biến. Dù vậy, nhiều tổ chức vẫn phụ thuộc vào các giải pháp chống virus truyền thống – vốn chỉ dựa vào chữ ký nhận dạng, không đủ phát hiện các hành vi tinh vi như tấn công theo chuỗi, khai thác lỗ hổng hoặc di chuyển ngang trong hệ thống.

Trong bối cảnh này, công nghệ phát hiện và phản hồi điểm cuối (Endpoint Detection and Response – EDR) nổi lên như lớp phòng vệ bắt buộc. EDR không chỉ phát hiện bất thường mà còn giám sát toàn diện hoạt động trên thiết bị,

ghi lịch sử hành vi, cảnh báo sớm và tự động cách ly mối đe dọa. Tuy nhiên, thị trường EDR trong nước phát triển nhanh nhưng lại thiếu khung đánh giá thống nhất. Nhiều sản phẩm được quảng bá mạnh nhưng không thể chứng minh khả năng bảo vệ theo tiêu chuẩn rõ ràng, khiến doanh nghiệp khó nhận biết giải pháp nào đáp ứng yêu cầu an toàn thực tế.

Sự thiếu chuẩn hóa này tiềm ẩn rủi ro lớn. Một hệ thống EDR không đạt chuẩn có thể bỏ sót mối đe dọa, thu thập dữ liệu giám sát thiếu đầy đủ, hoặc phản hồi chậm khi sự cố xảy ra. Không ít cơ quan, doanh nghiệp đã đầu tư EDR nhưng vẫn bị tấn công thành công, phần lớn do thiếu quy trình đánh giá chất lượng sản phẩm ngay từ đầu. Do đó, việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn quốc gia trở thành yêu cầu cấp thiết. TCVN 14106:2024 – Công nghệ thông tin: Các kỹ thuật an toàn – Hồ sơ bảo vệ cho sản phẩm phát hiện và phản hồi điểm cuối (EDR) ra đời nhằm khắc phục khoảng trống đó. Tiêu chuẩn đặt ra bộ Hồ sơ bảo vệ theo định dạng quốc tế, quy định các yêu cầu an ninh cơ bản mà một sản phẩm EDR phải đáp ứng. Trong đó bao gồm phạm vi chức năng, mục tiêu bảo vệ, mô hình mối đe dọa, giả định môi trường vận hành và yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin. Các tiêu chí này giúp đánh giá chính xác năng lực của EDR trong việc giám sát, phát hiện và khoanh vùng hành vi bất thường – yếu tố cốt lõi trong phòng vệ điểm cuối hiện đại.

Quan trọng hơn, TCVN 14106:2024 không dừng lại ở chức năng kỹ thuật mà còn đề cập đến nhóm yêu cầu bảo đảm an ninh như tính toàn vẹn của dữ liệu thu thập, khả năng ghi nhật ký đầy đủ, mức độ tin cậy của phân tích hành vi và năng lực tích hợp với các hệ thống giám sát khác. Nhờ vậy, các sản phẩm EDR không chỉ được đánh giá bằng quảng cáo hay mô tả tính năng, mà phải chứng minh qua kiểm định cụ thể, khách quan và minh bạch.

Tiêu chuẩn này tạo ra lợi ích thiết thực cho cả thị trường. Doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có thể dựa vào tiêu chuẩn để yêu cầu nhà cung cấp đáp ứng đúng mức an ninh cần thiết, giảm rủi ro lựa chọn nhằm giải pháp. Các nhà phát triển trong nước cũng được định hướng rõ ràng để xây dựng sản phẩm đạt chuẩn quốc gia, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia các chương trình chứng nhận quốc tế.

Trong bối cảnh mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh đều phụ thuộc vào hạ tầng số, việc chuẩn hóa khung bảo vệ cho EDR không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là “tấm lá chắn” quan trọng giúp nâng cao sức chống chịu của hệ thống thông tin Việt Nam. TCVN 14106:2024 vì vậy được kỳ vọng trở thành nền tảng bảo vệ điểm cuối – mắt xích dễ tổn thương nhất nhưng cũng quan trọng nhất trong chuỗi phòng vệ an ninh mạng hiện đại./.

0

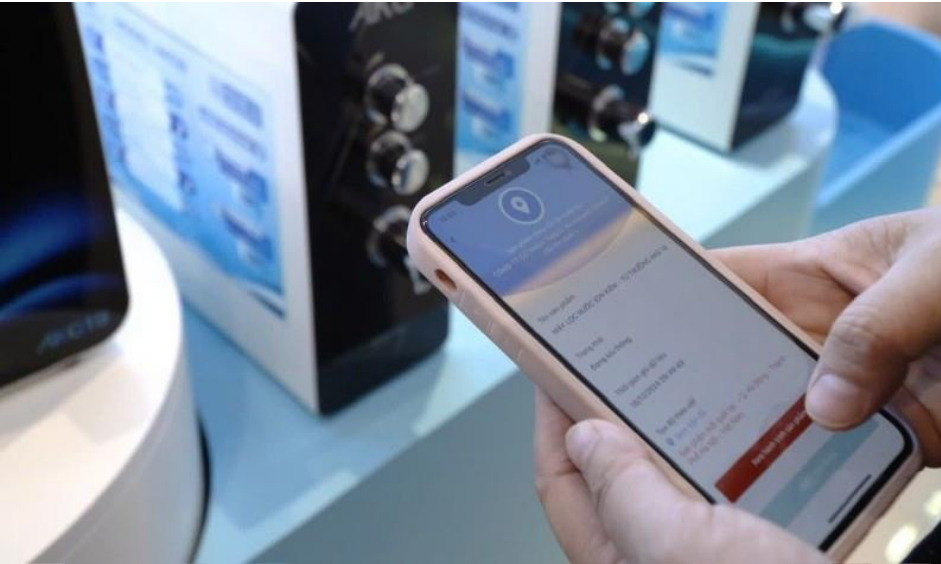
TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ HỘ CHIẾU SỐ: GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT GIÚP GIẢM GÁNH NẶNG CHO DOANH NGHIỆP

Theo VCCI, một số quy định trong Dự thảo Nghị định về chất lượng sản phẩm, hàng hoá đang khiến doanh nghiệp lo ngại vì chưa phù hợp với Luật và các quy định chuyên ngành. Tổ chức này đề nghị bỏ yêu cầu áp dụng bắt buộc hộ chiếu số và rà soát lại các quy định truy xuất nguồn gốc để đảm bảo tính thống nhất, khả thi.

Hoàn thiện khung pháp lý về truy xuất nguồn gốc đang trở thành yêu cầu cấp thiết, đặc

biệt khi nhiều bộ, ngành đã ban hành các quy định riêng. Sự phân tán này dẫn đến tình trạng chồng chéo, khác biệt trong quản lý, tăng chi phí tuân thủ và gây khó khăn cho chuỗi sản xuất – kinh doanh.

VCCI cho biết thêm, dù Dự thảo hướng tới việc ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng hàng hoá, nhiều quy định lại có nguy cơ không đồng bộ với pháp luật chuyên ngành và chưa phù hợp thực tiễn.



Một vấn đề nổi bật là hộ chiếu số và truy xuất nguồn gốc. Luật sửa đổi năm 2025 xác định mã số mã vạch, nhãn điện tử, truy xuất nguồn gốc và hộ chiếu số là các giải pháp công nghệ được khuyến khích áp dụng, ngoại trừ trường hợp hàng hoá có rủi ro cao. Tuy nhiên, Dự thảo quy định lộ trình áp dụng hộ chiếu số cho một số nhóm sản phẩm và yêu cầu doanh nghiệp phải triển khai đầy đủ nếu không tích hợp nhãn điện tử, khiến doanh nghiệp hiểu là bắt buộc.

Về phía doanh nghiệp, nhiều đơn vị lo ngại các yêu cầu này sẽ phát sinh thủ tục, đặc biệt với mặt hàng chủ lực hoặc sản phẩm phải tuân thủ nhiều quy chuẩn kỹ thuật, trong khi lợi ích chưa rõ ràng.

Ông Mai Quang Thịnh, nhà sáng lập VN Check, cho biết việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc đòi hỏi công nghệ mới như IoT, AI, blockchain tích hợp vào mã QR hoặc tem điện tử với chi phí cao. Doanh nghiệp vừa và nhỏ khó áp dụng, dẫn đến chuỗi thông tin thiếu liền mạch. Nhiều hệ thống hiện có (QR, blockchain, RFID) chưa đồng bộ, gây tốn thời gian, chi phí và thiếu minh bạch. Công nghệ làm giả ngày càng tinh vi, có thể sao chép tem hay can thiệp vào hệ thống.

Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Giám đốc Công ty TNHH Đông Y Quang Anh, chia sẻ việc áp dụng truy xuất nguồn gốc yêu cầu chi phí phần mềm, tem QR, thiết bị in ấn và duy trì dữ liệu. Nguyên

liệu thu mua từ hộ dân và vùng trồng nhỏ lẻ nên minh bạch thông tin còn hạn chế. Thiếu nhân lực, công nghệ, thói quen người tiêu dùng chưa phổ biến và nhiều nền tảng chưa chuẩn hóa khiến doanh nghiệp khó lựa chọn giải pháp vừa uy tín vừa tiết kiệm chi phí, đồng thời lo ngại về bảo mật và tính bền vững dữ liệu.

Nhiều chuyên gia nhấn mạnh công nghệ là yếu tố

quan trọng trong chiến lược quốc gia 2025–2030. Áp dụng công nghệ mới vào truy xuất nguồn gốc và chống hàng giả là then chốt để tối ưu lợi nhuận, giảm chi phí và kiểm soát sản phẩm hiệu quả.

VCCI cũng cảnh báo nguy cơ xung đột với các quy định hiện hành của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường... Đặc biệt trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, nơi tính đồng nhất chuỗi thấp, việc gắn mã truy xuất hoặc vật mang dữ liệu ở các khâu sơ chế, chế biến khó khả thi. Doanh nghiệp có thể phải vận hành đồng thời hai hệ thống truy xuất nguồn gốc, làm tăng chi phí mà mục tiêu quản lý chưa rõ ràng.

Do đó, VCCI đề nghị rà soát toàn bộ quy định về truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch và hộ chiếu số, bảo đảm đồng bộ với Luật và pháp luật chuyên ngành. Lĩnh vực đã có hướng dẫn cụ thể từ bộ quản lý thì doanh nghiệp thực hiện theo đó; chỉ khi không có quy định chuyên ngành, Dự thảo mới áp dụng.

Ngoài ra, VCCI cũng đề nghị điều chỉnh quy định về thủ tục cho thuê tài sản công để phù hợp với Nghị định 108/2024/NĐ-CP, tránh mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật. Một hệ thống quy định đồng bộ, rõ ràng và khả thi không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng hàng hoá mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu minh bạch và truy xuất nguồn gốc trong xuất khẩu./.

0

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG: LOẠI BỎ HÌNH THỨC, TĂNG HIỆU QUẢ THỰC THI

Hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường được xem là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, đồng thời hướng nền kinh tế tiến tới phát triển xanh. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy vẫn tồn tại nhiều bất cập, đặt ra yêu cầu phải cải cách mạnh mẽ.



Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đến nay Việt Nam đã ban hành 68 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và 92 Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) trong lĩnh vực môi trường. Giai đoạn 2021 – 2025, thêm 31 QCVN và 6 TCVN mới sẽ tiếp tục được xây dựng, với định hướng kế thừa quy định hiện hành và lựa chọn kinh nghiệm quốc tế phù hợp, trong đó nhấn mạnh mô hình quản lý hiệu quả của Hàn Quốc.

Dù hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn đã góp phần quan trọng trong kiểm soát ô nhiễm, nhiều văn bản vẫn chưa theo kịp nhu cầu thực tiễn. Một số lĩnh vực có nguy cơ ô nhiễm cao như công nghệ đốt chất thải vẫn thiếu quy chuẩn chuyên ngành; nhiều quy chuẩn khác chậm tiến độ cập nhật. Việc xây dựng tiêu chuẩn còn thiếu nhân lực chuyên môn và nguồn

lực tài chính, trong khi cơ chế huy động sự tham gia của xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp, vẫn chưa thực sự hiệu quả.

Các TCVN hiện nay chủ yếu dựa trên việc tham khảo tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đến khó khăn trong áp dụng trực tiếp đối với doanh nghiệp trong nước. Hệ thống QCVN cũng được đánh giá là chồng chéo và tạo ra chi phí tuân thủ lớn, ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đại diện cộng đồng doanh nghiệp, ông Đậu Anh Tuấn – Phó Tổng Thư ký VCCI cho rằng tiêu chuẩn và quy chuẩn là “luật chơi kỹ thuật”, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kiểm soát ô nhiễm, và cả chiến lược phát triển công nghệ của doanh nghiệp.

Dưới góc độ kinh tế, các chuyên gia cảnh báo việc duy trì quá nhiều tiêu chuẩn nhưng triển khai thiếu hiệu quả có thể làm chi phí tuân thủ tăng thêm khoảng 30%.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thường Lạng (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân) đề xuất nguyên tắc “ban hành một, loại bỏ hai” để tinh giản quy chuẩn lạc hậu, giảm gánh nặng cho doanh nghiệp. Việc cập nhật thường xuyên và mạnh dạn thay thế công nghệ cũ là điều kiện để Việt Nam hội nhập quốc tế và đáp ứng xu thế phát triển xanh. Đặc biệt là những đơn vị sản xuất – xuất khẩu lớn, cần chủ động tham gia quá trình xây dựng tiêu chuẩn thay vì chỉ đứng ở vai trò đối tượng thực thi. Sự tham gia này sẽ giúp hệ thống quy chuẩn sát với thực tế sản xuất và phù hợp với thông lệ quốc tế./.

0

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 11/2025

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 10687-12-3:2025**

Hệ thống phát điện gió – Phần 12-3: Đặc tính công suất – Hiệu chuẩn theo vị trí dựa trên phép đo

Số trang:53

TCVN 10687-12-5:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 12-5: Đặc tính công suất – Đánh giá chương ngại vật và địa hình

Số trang:29

TCVN 10687-12-6:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 12-6: Hàm truyền vỏ tuabin dựa trên phép đo của tuabin gió phát điện

Số trang:65

TCVN 10687-12:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 12: Đo đặc tính công suất của tuabin gió phát điện – Tổng quan

Số trang:17

TCVN 10687-3-1:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 3-1: Yêu cầu thiết kế đối với tuabin gió cố định ngoài khơi

Số trang:176

TCVN 10687-3-2:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 3-2: Yêu cầu thiết kế đối với tuabin gió nổi ngoài khơi

Số trang:191

TCVN 10687-50-1:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 50-1: Đo gió – Ứng dụng các thiết bị đo lắp trên cột khí tượng, vỏ tuabin và mũ hub

Số trang:91

TCVN 10687-50-2:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 50-2: Đo gió – Ứng dụng công nghệ cảm biến từ xa lắp trên mặt đất

Số trang:48

TCVN 10687-50-3:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 50-3: Sử dụng Lidar lắp trên vỏ tuabin để đo gió

Số trang:96

TCVN 10687-50:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 50: Đo gió – Tổng quan

Số trang:14

TCVN 11345-41:2025

Thiết bị đo điện – Yêu cầu chung, thử nghiệm và điều kiện thử nghiệm – Phần 41: Phương pháp ghi điện năng và các yêu cầu đối với công tơ đo nhiều loại điện năng và nhiều biểu giá

Số trang:24

TCVN 12232-1:2025

An toàn của môđun quang điện (PV) – Phần 1: Yêu cầu về kết cấu

Số trang:79

Thay thế:TCVN 12232-1:2019

TCVN 12232-2:2025

An toàn của môđun quang điện (PV) – Phần2: Yêu cầu về thử nghiệm

Số trang:73

Thay thế:TCVN 12232-2:2019

TCVN 12546:2025

Khí thiên nhiên – Lấy mẫu khí

Số trang:86

Thay thế:TCVN 12546:2019

TCVN 12678-2:2025

Thiết bị quang điện – Phần 2: Yêu cầu đối với thiết bị quang điện chuẩn

Số trang:24

Thay thế:TCVN 12678-2:2020
TCVN 12678-5:2025

Thiết bị quang điện – Phần 5: Xác định nhiệt độ tương đương của tế bào thiết bị quang điện bằng phương pháp điện áp hở mạch

Số trang:14

Thay thế:TCVN 12678-5:2020
TCVN 14414:2025

Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) – Nhiên liệu tuốc bin hàng không có chứa hydrocacbon tổng hợp – Quy định kỹ thuật

Số trang:97

TCVN 14415:2025

Khí thiên nhiên – Đánh giá hiệu năng của hệ thống phân tích

Số trang:41

TCVN 14450-1:2025

Hệ thống truyền công suất không dây (WPT) dùng cho xe điện – Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:47

TCVN 14450-2:2025

Hệ thống truyền công suất không dây (WPT) dùng cho xe điện – Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với truyền thông và hoạt động của hệ thống truyền công suất không dây sử dụng trường từ

Số trang:106

TCVN 14450-3:2025

Hệ thống truyền công suất không dây (WPT) dùng cho xe điện – Phần 3: Yêu cầu cụ thể đối với hệ thống truyền công suất không dây sử dụng trường từ

Số trang:121

TCVN 14472-11:2025

Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Kiểm tra chấp nhận – Phần 11: Phương pháp chung để kiểm tra chấp nhận

Số trang:85

TCVN 14472-21:2025

Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Kiểm tra chấp nhận – Phần 21: Yêu cầu cụ thể dùng cho công tơ kiểu điện cơ đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,5; 1 và 2)

Số trang:14

TCVN 14472-31:2025

Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Kiểm tra chấp nhận – Phần 31: Yêu cầu cụ thể dùng cho công tơ kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,2 S; 0,5 S; 1 và 2)

Số trang:14

TCVN 14473:2025

Pin sử dụng cho các ứng dụng cấp điện phụ trợ tĩnh tại và chuyển động

Số trang:144

TCVN 14474:2025

Đánh giá pin để chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc chế tạo lại

Số trang:43

TCVN 14499-2-201:2025

Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-201: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Rà soát thử nghiệm hệ thống lưu trữ điện năng sử dụng các pin chuyển đổi mục đích sử dụng và pin tái sử dụng

Số trang:84

TCVN 14499-3-200:2025

Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-200: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Nguyên tắc thiết kế hệ thống EES điện hóa

Số trang:84

TCVN 14499-4-200:2025

Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-200: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Đánh giá phát thải khí nhà kính (GHG) từ hệ thống lưu trữ điện năng (EES)

Số trang:37

TCVN 6426:2025

Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1 – Quy định kỹ thuật

Số trang:51

Thay thế:TCVN 6426:2020

TCVN 7589-52:2025

Thiết bị đo điện (xoay chiều) – Yêu cầu cụ thể – Phần 52: Ký hiệu

Số trang:18

TCVN 9794:2025

Khí thiên nhiên – Phương pháp phân tích bằng sắc ký khí (GC)

Số trang:33

Thay thế:TCVN 9794:2013

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

ISO 10993-1:2025

Biological evaluation of medical devices

Part 1: Requirements and general principles for the evaluation of biological safety within a risk management process

Pages: 42

Replaces: ISO 10993-1:2018

ISO 10993-17:2023/Amd 1:2025

Biological evaluation of medical devices — Part 17: Toxicological risk assessment of medical device constituents

Amendment 1

Pages: 3

ISO 11040-3:2025

Paper and board — Testing of cores — Part 2: Conditioning of test samples

Pages: 3

Replaces: ISO 11093-2:1994

ISO 11093-2:2025

Paper and board — Testing of cores

Part 2: Conditioning of test samples

Pages: 3

Replaces: ISO 11093-2:1994

ISO 11126-10:2025

Preparation of steel substrates before application of paints and related products —

Specifications for non-metallic blast-cleaning abrasives

Part 10: Almandite garnet

Pages: 5

Replaces: ISO 11126-10:2017

ISO 11154:2023/Amd 1:2025

Road vehicles — Roof load carriers

Amendment 1

Pages: 1

ISO 1139:2025

Textiles — Designation of yarns

Pages: 10

Replaces: ISO 1139:1973

ISO 11421:2025

Optics and photonics — Uncertainty of optical transfer function (OTF) measurement

Pages: 44

Replaces: ISO 11421:1997

ISO 11456:2025

Copper and zinc sulfide concentrates — Determination of silver content — Acid digestion and flame atomic absorption spectrometric or inductively coupled plasma

<p>optical emission spectrometric method Pages: 40 ISO 11641:2025 Leather — Tests for colour fastness — Colour fastness to perspiration Pages: 7 Replaces: ISO 11641:2012 ISO 11843-6:2025 Capability of detection Part 6: Methodology for the determination of the critical value and the minimum detectable value in Poisson distributed measurements by normal approximations Pages: 21 Replaces: ISO 11843-6:2019 ISO 11970:2025 Specification and qualification of welding procedures for production welding of steel and nickel-base castings Pages: 17 Replaces: ISO 11970:2016 ISO 11982:2025 Refrigerated hydrocarbon and non-petroleum based liquefied gaseous fuels — Liquefied Natural Gas (LNG) as marine fuel — Measurement on board LNG bunkering ship Pages: 37 ISO 11997-2:2025 Paints and varnishes — Determination of resistance to cyclic corrosion conditions Part 2: Wet (salt fog)/dry/humid/UV light Pages: 8 Replaces: ISO 11997-2:2013 ISO 12994:2025</p>	<p>Electrodeposited nickel plus chromium coatings for automobile plastic parts — Specification and test requirements Pages: 12 ISO 13084:2025 Surface chemical analysis — Mass spectrometries — Calibration of the mass scale for a time-of-flight secondary ion mass spectrometer Pages: 13 Replaces: ISO 13084:2018 ISO 13347-2:2025 Fans — Determination of fan sound power levels under standardized laboratory conditions Part 2: Reverberant room method Pages: 22 Replaces: ISO 13347-2:2004/Cor 1:2006 ISO 13640:2025 Building and civil engineering sealants — Specifications for test substrates Pages: 5 Replaces: ISO 13640:2018 ISO 13954:2025 Plastics pipes and fittings — Peel decohesion test for polyethylene (PE) electrofusion assemblies of nominal outside diameter greater than or equal to 90 mm Pages: 11 Replaces: ISO 13954:1997/Amd 1:2020 ISO 13956:2025 Plastics pipes and fittings — Decohesion test of polyethylene (PE) saddle fusion joints —</p>	<p>Evaluation of ductility of fusion joint interface by tear test Pages: 10 Replaces: ISO 13956:2010 ISO 14054:2025 Natural capital accounting for organizations — Principles, requirements and guidance Pages: 42 ISO 14156:2025 Milk and milk products — Extraction methods for lipids and liposoluble compounds Pages: 6 Replaces: ISO 14156:2001/Amd 1:2007 ISO 14419:2025 Textiles — Oil repellency — Hydrocarbon resistance test Pages: 7 Replaces: ISO 14419:2010 ISO 14533-3:2025 Processes, data elements and documents in commerce, industry and administration — Long-term signature Part 3: Profiles for PDF Advanced Electronic Signatures (PAdES) Pages: 26 Replaces: ISO 14533-3:2017 ISO 14577-6:2025 Metallic materials — Instrumented indentation test for hardness and materials parameters Part 6: Instrumented indentation test at elevated temperature Pages: 20 ISO 15015:2025 Plastics — Extruded sheets of impact-modified acrylonitrile-styrene copolymers (ABS,</p>
---	--	--

<p>AEPDS and ASA) — Requirements and test methods Pages: 11 Replaces: ISO 15015:2011 ISO 15076-1:2025 Image technology colour management — Architecture, profile format and data structure Part 1: Based on ICC.1:2022 Pages: 111 Replaces: ISO 15076-1:2010 ISO 15087:2025 Dentistry — Dental elevators 12 ISO 15105-2:2025 Plastics film and sheeting — Determination of gas- transmission rate Part 2: Equal-pressure method Pages: 15 Replaces: ISO 15105-2:2003 ISO 15270-5:2025 Plastics — Guidelines for the recovery and recycling of plastics waste Part 5: Organic/biological recycling Pages: 13 Replaces: ISO 15270:2008 ISO 15608:2025 Welding — Grouping system for metallic materials Pages: 7 Replaces: ISO/TR 15608:2017 ISO 15614-9:2025 Specification and qualification of welding procedures for metallic materials — Welding procedure testPart 9: Underwater hyperbaric wet welding Pages: 42 ISO 16075-7:2025</p>	<p>Guidelines for treated wastewater use for irrigation projects Part 7: Golf courses and other sports fields Pages: 13 ISO 16321-4:2025 Eye and face protection Part 4: Protection against biological hazards Pages: 25 ISO 16359:2025 Horology — Harmonized practices to demonstrate chemical regulatory compliance of wrist-watches Pages: 7 ISO 16473:2025 Healthcare organization management — Pandemic response — Response resource information management Pages: 8 ISO 16666:2025 Surface chemical analysis — Total reflection X-ray fluorescence — Principles and general requirements Pages: 22 ISO 16710-2:2025 Ergonomics methods Part 2: A methodology for work analysis to support design Pages: 31 ISO 16843-1:2025 Health informatics — Categorical structures for representation of acupuncture Part 1: Acupuncture points Pages: 10 Replaces: ISO/TS 16843-1:2016 ISO 17117-1:2025 Health informatics — Terminological resources</p>	<p>Part 1: Characteristics Pages: 23 Replaces: ISO 17117-1:2018 ISO 17138:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Mechanical properties of ceramic composites at room temperature — Determination of flexural strength Pages: 8 Replaces: ISO 17138:2014 ISO 17168-1:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment Part 1: Removal of nitric oxide Pages: 14 Replaces: ISO 17168-1:2018 ISO 17168-2:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment Part 2: Removal of acetaldehyde Pages: 14 Replaces: ISO 17168-2:2018 ISO 17168-3:2025 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment Part 3: Removal of toluene</p>
---	--	---

- Pages: 11
Replaces: ISO 17168-3:2018
ISO 17168-4:2025
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment
Part 4: Removal of formaldehyde
Pages: 10
Replaces: ISO 17168-4:2018
ISO 17168-5:2025
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment
Part 5: Removal of methyl mercaptan
Pages: 10
Replaces: ISO 17168-5:2018
ISO 17508:2025
Packaging — Transport packaging for dangerous goods — Compatibility testing of polyethylene, fluorinated polyethylene and co-extruded plastic
Pages: 10
ISO 17510:2025
Medical devices — Sleep apnoea breathing therapy — Masks and application accessories
Pages: 36
Replaces: ISO 17510:2015
ISO 17601:2025
Soil quality — Estimation of abundance of selected microbial gene sequences by quantitative polymerase chain reaction (qPCR) from DNA directly extracted from soil
Pages: 34
Replaces: ISO 17601:2016
ISO 1813:2025
Belt drives — Electrical conductivity of antistatic belts: Characteristics and test methods
Pages: 12
Replaces: ISO 1813:2014
ISO 18131:2025
Ships and marine technology — Publish-subscribe architecture on ship-shore data communication — General requirements
Pages: 136
ISO 18136-1:2025
Automation systems and integration — Nuclear digital ecosystem
Part 1: Overview and framework
Pages: 51
ISO 18192-3:2025
Implants for surgery — Wear of total intervertebral spinal disc prostheses
Part 3: Impingement-wear testing and corresponding environmental conditions for test of lumbar and cervical prostheses
Pages: 15
Replaces: ISO 18192-3:2017
ISO 182-3:2025
Plastics — Determination of the tendency of compounds and products based on vinyl chloride homopolymers and copolymers to evolve hydrogen chloride and any other acidic products at elevated temperatures
Part 3: Conductometric method
Pages: 18
Replaces: ISO 182-3:2023
ISO 18298:2025
Railway applications — Platform barrier systems
Pages: 42
ISO 18674-7:2025
Geotechnical investigation and testing — Geotechnical monitoring by field instrumentation
Part 7: Measurement of strains: Strain gauges
Pages: 47
ISO 18706:2025
Healthcare organization management — Pandemic response (respiratory) — Functions and quality evaluation of specimen collection booth
Pages: 18
ISO 18708:2025
Solid recovered fuels — Determination of bulk density
Pages: 24
ISO 18777-2:2025
Transportable liquid oxygen systems for medical use
Part 2: Particular requirements for portable units
Pages: 6
Replaces: ISO 18777:2005
ISO 18794:2025
Coffee — Sensory analysis — Vocabulary
Pages: 12
Replaces: ISO 18794:2018
ISO 18821:2025

<p>Ships and marine technology — Marine combined connecting mooring line Pages: 21 ISO 18862:2025 Coffee and coffee products — Determination of acrylamide — Methods using high-performance liquid chromatography with tandem mass spectrometric detection (HPLC-MS/MS) and gas chromatography with mass spectrometric detection (GC-MS) after derivatization Pages: 25 Replaces: ISO 18862:2016 ISO 18900:2025 Steel structures — Structural bolting — Test method for determining the slip factor for faying surfaces of slip-resistant connections Pages: 9 ISO 18955:2025 Railway applications — Suspension components — Rubber diaphragms for pneumatic suspension springs Pages: 43 ISO 19082:2025 Intelligent transport systems — Definition of data elements and data frames between roadside modules and signal controllers for cooperative signal control Pages: 33 Replaces: ISO/TS 19082:2020 ISO 19599:2025 Operating procedures of chicken slaughtering Pages: 6 ISO 19630:2025</p>	<p>Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Methods of test for reinforcements — Determination of tensile properties of filaments at ambient temperature Pages: 9 Replaces: ISO 19630:2017 ISO 19654:2025 Sludge recovery, recycling, treatment and disposal — Laboratory chemical conditioning procedure Pages: 13 ISO 19919:2025 Jewellery and precious metals — Determination of silver — ICP-OES method using an internal standard element Pages: 10 ISO 20760-1:2025 Water reuse in urban areas — Guidelines for centralized water reuse system Part 1: Design principle of a centralized water reuse system Pages: 22 Replaces: ISO 20760-1:2018 ISO 20760-2:2025 Water reuse in urban areas — Guidelines for centralized water reuse system Part 2: Management of a centralized water reuse system Pages: 11 Replaces: ISO 20760-2:2017 ISO 2081:2025 Metallic and other inorganic coatings — Electroplated coatings on iron and steel using zinc treated with solutions containing chromium (VI) Pages: 12</p>	<p>Replaces: ISO 2081:2018 ISO 20932-3:2018/Amd 1:2025 Textiles — Determination of the elasticity of fabrics — Part 3: Narrow fabrics Amendment 1 Pages: 3 ISO 21180:2025 Light conveyor belts — Determination of the maximum tensile strength Pages: 6 Replaces: ISO 21180:2013 ISO 21181:2025 Light conveyor belts — Determination of the relaxed elastic modulus Pages: 7 Replaces: ISO 21181:2013 ISO 21182:2025 Light conveyor belts — Determination of the coefficient of friction Pages: 9 Replaces: ISO 21182:2013 ISO 21701:2025 Textiles — Test method for accelerated hydrolysis of textile materials and biodegradation under controlled composting conditions of the resulting hydrolysate Pages: 12 Replaces: ISO 21701:2019 ISO 21755-3:2025 Motorcycles — Measurement method for evaporative emissions Part 3: VT-SHED test procedure Pages: 20 ISO 21846:2025 Vegetable fats and oils — Determination of composition</p>
---	---	--

of triacylglycerols and composition and content of diacylglycerols by capillary gas chromatography Pages: 13 Replaces: ISO 21846:2018 ISO 22300:2025 Security and resilience — Vocabulary Pages: 16 Replaces: ISO 22300:2021 ISO 22368-1:2025 Crop protection equipment — Test methods for the evaluation of cleaning systems Part 1: Internal cleaning of complete sprayers Pages: 10 ISO 22372:2025 Security and resilience — Community resilience — Guidelines for infrastructure resilience Pages: 33 ISO 22373:2025 Security and resilience — Authenticity, integrity and trust for products and documents — Framework for establishing trustworthy supply and value chains Pages: 23 ISO 22568-1:2019/Amd 1:2025 Foot and leg protectors — Requirements and test methods for footwear components — Part 1: Metallic toecaps Amendment 1 Pages: 1 ISO 22568-2:2019/Amd 1:2025 Foot and leg protectors — Requirements and test methods	for footwear components — Part 2: Non-metallic toecaps Amendment 1 Pages: 1 ISO 22578:2025 Graphical symbols — Safety colours and safety signs — Natural disaster safety way guidance system Pages: 35 Replaces: ISO 22578:2022 ISO 22786:2025 Textiles — Animal welfare in the supply chain — General requirements for the production, preparation and traceability of cashmere fibre, including ethical claims and supporting information Pages: 26 ISO 22932-10:2025 Mining — Vocabulary Part 10: Haulage Pages: 47 ISO 23296:2025 Metallic materials — Fatigue testing — Force controlled thermo-mechanical fatigue testing method Pages: 29 Replaces: ISO 23296:2022 ISO 23300-2:2025 Railway infrastructure — Rail welding Part 2: Aluminothermic welding Pages: 39 ISO 23971:2025 Surface chemical analysis — X-ray fluorescence analysis of particulate matter filters Pages: 27 ISO 23999:2025 Resilient floor coverings — Determination of dimensional	stability and curling (vertical deformation) after exposure to heat Pages: 16 ISO 24049:2025 Traditional Chinese medicine — Aconitum carmichaelii parent root tuber Pages: 10 ISO 24490:2025 Cryogenic vessels — Centrifugal pumps for cryogenic service Pages: 10 Replaces: ISO 24490:2016 ISO 24566-3:2025 Drinking water, wastewater and stormwater systems and services — Adaptation of water services to climate change impacts Part 3: Drinking water services Pages: 38 ISO 24599:2025 Guidelines for the management of mobile toilets under epidemic situations Pages: 13 ISO 24611-1:2025 Language resource management — Morphosyntactic annotation framework (MAF) Part 1: Core model Pages: 35 Replaces: ISO 24611:2012 ISO 24835-1:2025 Natural gas upstream area — Determination and calculation of shale brittleness index Part 1: Determination of shale mineral characteristics based on X-ray diffraction method Pages: 23 ISO 24835-2:2025
--	---	--

Natural gas upstream area — Determination and calculation of shale brittleness index Part 2: Determination of shale mechanical characteristics based on triaxial testing method
Pages: 11

ISO 2719:2025

Determination of flash point — Pensky-Martens closed cup method
Pages: 27

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**IEC 60061-1:1969/
AMD65:2025**

Amendment 65 - Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety - Part 1: Lamp caps
AMENDMENT
Pages: 22

Replaces: IEC 60061-1:2005 CSV

**IEC 60061-2:1969/
AMD61:2025**

Amendment 61 - Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety - Part 2: Lampholders
Pages: 20

IEC 60072-3:2025 PRV

Rotating electrical machines - Dimensions and output series for rotating electrical machines - Part 3: Small built-in motors - Flange numbers BF10 to BF50
Pages: 6

Replaces: IEC 60072-3:1994
IEC 60079-28:2025

Explosive atmospheres - Part 28: Protection of equipment and transmission systems using optical radiation
Pages: 30

Replaces: IEC 60079-28:2015/ISH1:2019

IEC 60127-4:2025 PRV

Miniature fuses - Part 4: Universal modular fuse-links (UMF) - Through-hole and surface mount types
Pages: 33

Replaces: IEC 60127-4:2005+AMD1:2008+AMD2:2012 CSV

IEC 60153-2:2025

Hollow metallic waveguides - Part 2: Relevant specifications for ordinary rectangular waveguides
Pages: 35

Replaces: IEC 60153-2:2016

IEC 60310:2025 PRV

Railway applications - Transformers and inductors on board rolling stock
Pages: 76

Replaces: IEC 60310:2016/COR1:2018

**IEC 60335-1:2020+
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 1: General requirements
Pages: 439

Replaces: IEC 60335-1:2010+AMD1:2013+AMD2:2016 CSV

IEC 60335-1:2010+AMD1:2013+AMD2:2025 CSV

Amendment 1 - Household and similar electrical appliances -

Safety - Part 1: General requirements

AMENDMENT

Pages: 64

Replaces: IEC 60335-1:2010+AMD1:2013+AMD2:2016 CSV

**IEC 60335-2-3:2022+
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-3: Particular requirements for electric irons, ironing boards, ironing systems and similar appliances
Pages: 55

Replaces: IEC 60335-2-3:2012+AMD1:2015 CSV

**IEC 60335-2-3:2022/
AMD1:2025**

Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-3: Particular requirements for electric irons, ironing boards, ironing systems and similar appliances
AMENDMENT
Pages: 7

Replaces: IEC 60335-2-3:2012+AMD1:2015 CSV

Replaces: IEC 60335-2-3:2012+AMD1:2015 CSV

**IEC 60335-2-85:2022+
AMD1:2025 CSV**

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-85: Particular requirements for fabric steamers
Pages: 40

Replaces: IEC 60335-2-85:2002+AMD1:2008+AMD2:2017 CSV

**IEC 60335-2-85:2022/
AMD1:2025**

<p>Amendment 1 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-85: Particular requirements for fabric steamers Pages: 6 IEC 60364-7-717:2025 PRV Low-voltage electrical installations - Part 7-717: Requirements for special installations or locations - Mobile or transportable units Pages: 16 Replaces: IEC 60364-7-717:2009 IEC 60364-8-81:2025 PRV Low-voltage electrical installations - Part 8-81: Functional aspects - Energy efficiency Pages: 79 IEC 60445/AMD1:2025 PRV Amendment 1 - Basic and safety principles for man-machine interface, marking and identification - Identification of equipment terminals, conductor terminations and conductors Pages: 6 Replaces: IEC 60445:2017/COR1:2017 IEC 60691/AMD2:2025 PRV Amendment 2 - Thermal-links - Requirements and application guide Pages: 2 Replaces: IEC 60691:2015+AMD1:2019 CSV IEC 60704-2-19:2025 PRV Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part</p>	<p>2-19: Particular requirements for air cleaners Pages: 12 IEC 60743/AMD1:2025 PRV Amendment 1 - Live working - Terminology for tools, devices and equipment Pages: 3 Replaces: IEC 60743:2013 IEC 60794-1-129:2025 Optical fibre cables - Part 1-129: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Straight midspan access to optical elements, Method E29 Pages: 18 IEC 60794-1-207:2025 Optical fibre cables - Part 1-207: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Environmental test methods - Nuclear radiation, Method F7 Pages: 9 IEC TS 60815-1:2025 Selection and dimensioning of high-voltage insulators intended for use in polluted conditions - Part 1: Definitions, information and general principles Pages: 60 Replaces: IEC TS 60815-1:2008 IEC 60966-2-8:2025 RLV Radio frequency and coaxial cable assemblies - Part 2-8: Detail specification for cable assemblies for radio and TV receivers - Frequency range up to 3 000 MHz, screening class A++, IEC 61169-47 connectors Pages: 30</p>	<p>Replaces: IEC 60966-2-8:2022 IEC 60966-2-8:2025 Radio frequency and coaxial cable assemblies - Part 2-8: Detail specification for cable assemblies for radio and TV receivers - Frequency range up to 3 000 MHz, screening class A++, IEC 61169-47 connectors Pages: 20 Replaces: IEC 60966-2-8:2022 IEC 61000-6-3:2025 PRV Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 6-3: Generic standards - Emission standard for equipment in residential locations Pages: 70 Replaces: IEC 61000-6-3:2020 IEC 61076-2-104:2025 PRV Connectors for electrical and electronic equipment - Product requirements - Part 2-104: Circular connectors - Detail specification for circular connectors with M8 screw-locking or snap-locking Pages: 61 Replaces: IEC 61076-2-104:2014 IEC 61169-74:2025 Radio-frequency connectors - Part 74: Sectional specification for HN series RF coaxial connectors with screw coupling - Characteristic impedance 50 Ω Pages: 50 IEC 61196-1-114:2025 RLV Coaxial communication cables - Part 1-114: Electrical test methods - Test for inductance Pages: 31</p>
--	---	--

Replaces: IEC 61196-1-114:2015 IEC 61196-1-114:2025 Coaxial communication cables - Part 1-114: Electrical test methods - Test for inductance Pages: 15 Replaces: IEC 61196-1-114:2015 IEC 61375-2-6:2025 PRV Electronic railway equipment - Train communication network (TCN) - Part 2-6: Train-to-ground communication Pages: 143 Replaces: IEC 61375-2-6:2018 IEC TS 61836:2025 Solar photovoltaic energy systems - Terms, definitions and symbols Pages: 22 Replaces: IEC TS 61836:2016 IEC PAS 61980-4:2025 Electric vehicle wireless power transfer (WPT) systems - Part 4: Interoperability and safety of high-power wireless power transfer (H-WPT) for electric vehicles Pages: 63 IEC 62047-49:2025 Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 49: Temperature and humidity test methods for piezoelectric MEMS cantilevers Pages: 8 IEC 62132-8:2025 PRV Integrated circuits - Measurement of electromagnetic immunity - Part 8: Measurement of radiated immunity - IC stripline method	Pages: 22 Replaces: IEC 62132-8:2012 IEC 62153-4-7:2021+AMD1:2025 CSV Metallic cables and other passive components test methods - Part 4-7: Electromagnetic compatibility (EMC) -Test method for measuring of transfer impedance Z _T and screening attenuation a _S or coupling attenuation a _C of connectors and assemblies - Triaxial tube in tube method Pages: 136 IEC 62153-4-7:2021/AMD1:2025 Amendment 1 - Metallic cables and other passive components test methods - Part 4-7: Electromagnetic compatibility (EMC) -Test method for measuring of transfer impedance Z _T and screening attenuation a _S or coupling attenuation a _C of connectors and assemblies - Triaxial tube in tube method AMENDMENT Pages: 15 Replaces: IEC 62153-4-7:2015+AMD1:2018 CSV IEC 62196-1:2025 CMV Plugs, socket-outlets, vehicle connectors and vehicle inlets - Conductive charging of electric vehicles - Part 1: General requirements Pages: 338 Replaces: IEC 62196-1:2022 IEC 62196-1:2025 Plugs, socket-outlets, vehicle connectors and vehicle inlets -	Conductive charging of electric vehicles - Part 1: General requirements Pages: 110 IEC 62196-2:2025 Plugs, socket-outlets, vehicle connectors and vehicle inlets - Conductive charging of electric vehicles - Part 2: Dimensional compatibility requirements for AC pin and contact-tube accessories Pages: 84 Replaces: IEC 62196-2:2022 IEC 62196-3:2025 PRV Plugs, socket-outlets, vehicle connectors and vehicle inlets - Conductive charging of electric vehicles - Part 3: Dimensional compatibility requirements for DC and AC/DC pin and contact-tube vehicle couplers Pages: 147 Replaces: IEC 62196-3:2022 IEC 62358:2025 PRV Ferrite cores - Standard inductance factor for gapped cores and its tolerance Pages: 19 Replaces: IEC 62358:2012 IEC TS 62607-6-23:2025 Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 6-23: Graphene-related products - Sheet resistance, carrier density, carrier mobility: Hall bar method Pages: 20 IEC TR 62715-6-41:2025 Flexible displays - Part 6-41: Mechanical test methods - General introduction for rollable displays Pages: 10
---	---	--

IEC TR 62746-2:2025

Systems interface between customer energy management system and the power management system - Part 2: Use cases
Pages: 229

Replaces: IEC TR 62746-2:2015

IEC 62841-3-1:2014+

AMD1:2021+AMD2:2025 CSV

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-1: Particular requirements for transportable table saws
Pages: 103

**IEC 62841-3-1:2014/
AMD2:2025**

Amendment 2 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-1: Particular requirements for transportable table saws
AMENDMENT
Pages: 4

IEC 62841-3-16:2025 EXV

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-16: Particular requirements for transportable belt sanders, disc sanders and belt/disc sanders
Pages: 221

IEC 62841-3-16:2025

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-16: Particular requirements for

transportable belt sanders, disc sanders and belt/disc sanders
Pages: 38

IEC 62849:2025

Performance evaluation methods of robots for household and similar use
Pages: 54

IEC 62899-302-7:2025

Printed electronics - Part 302-7: Equipment - Inkjet - Measurement methods of dot placement evaluation for printed electronics
Pages: 29

IEC 62933-3-1:2025

Electrical energy storage (EES) systems - Part 3-1: Planning and performance assessment of electrical energy storage systems - General specification
Pages: 103

IEC 63093-4:2025 PRV

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 4: RM-cores
Pages: 31

Replaces: IEC 63093-4:2019

IEC 63093-9:2025 PRV

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 9: Planar cores
Pages: 30

Replaces: IEC 63093-9:2020

IEC 63093-10:2025 PRV

Ferrite cores - Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - Part 10: PM-cores and associated parts
Pages: 19

Replaces: IEC 63093-10:2022

IEC 63150-2:2025

Semiconductor devices - Measurement and evaluation methods of kinetic energy harvesting devices under practical vibration environment - Part 2: Human arm swing motion
Pages: 21

IEC 63150-3:2025

Semiconductor devices - Measurement and evaluation methods of kinetic energy harvesting devices under practical vibration environment - Part 3: Human foot impact motion
Pages: 22

IEC 63341-2:2025

Railway applications - Hydrogen and fuel cell systems for rolling stock - Part 2: Hydrogen fuel system
Pages: 150

IEC 63341-3:2025

Railway applications - Hydrogen and fuel cell systems for rolling stock - Part 3: Performance test methods for fuel cell power system
Pages: 59

IEC TS 63346-2-3:2025

Low-voltage auxiliary power systems - Part 2-3: Design criteria - Low-voltage AC auxiliary power systems for substations
Pages: 31

IEC 63350:2025 PRV

Household electric appliances - Specification of the properties of a digital system for measuring the performance
Pages: 28
Replaces: IEC TS 63350:2022

IEC 63359:2025 PRV

Fluids for electrotechnical application: Specifications for the re-use of mixtures of gases alternative to SF₆

Pages: 13

IEC 63382-1:2025

Management of distributed energy storage systems based on electrically chargeable vehicle batteries - Part 1: Use cases and architectures

Pages: 411

Replaces: IEC 63382-1:2025

IEC TS 63392:2025

Fire test for concentrator PV modules

Pages: 15

IEC 63437:2025

Off grid and unreliable grid refrigerating appliances for domestic and light commercial use - Characteristics and test methods - Performance requirements and energy consumption

Pages: 143

IEC 63448:2025

Low and ultra-low latency communication and control systems

Pages: 41

IEC 63466-1:2025

Leaky waveguides - Part 1: Generic specification - General requirements and test methods

Pages: 38

IEC 63494-1:2025 PRV

Lighting systems - Electro-mechanical interfaces - Part 1: Safety

Pages: 17

IEC 63494-2-1:2025 PRV

Lighting systems - Electro-mechanical interfaces - Part 2-1: Four-pin extra-low-voltage twist-lock interface Type ZB18

Pages: 27

IEC 63522-3:2025 PRV

Electrical relays - Tests and measurements - Part 3: Relay coil properties

Pages: 12

IEC 63652-1:2025 PRV

NFC Forum Specifications - Part 1: NFC Wireless Charging

Pages: 138

IEC 63652-2:2025 PRV

NFC Forum Specifications - Part 2: NFC Data Exchange Format

Pages: 23

IEC 80601-2-52:2025 PRV

Medical electrical equipment - Part 2-52: Particular requirements for the basic safety and essential performance of medical beds for adults

Pages: 101

❖ **TIÊU CHUẨN BS****BS EN 18071:2025**

Inland navigation vessels. Methanol bunkering

BS EN 15221-8:2025

Facility Management - Principles and processes

BS EN 50374:2025+A1:2025

Conductor cars

BS EN ISO 11554:2025

Optics and photonics — Lasers and laser-related equipment — Test methods for laser beam radiant power, radiant energy and temporal characteristics

Replace: BS EN ISO 11554:2017

IEC 60287-1-3:2023 CMV

Electric cables. Calculation of the current rating - Current rating equations (100 % load factor) and calculation of losses. Current sharing between parallel single-core cables and calculation of circulating current losses

BS EN 6049-009:2025

Aerospace series. Electrical cables, installation. Protection sleeve in meta-aramid fibres - Self-wrapping fire protection sleeve, flexible, post-installation, operating temperature from -55 °C to 260 °C. Product standard

BS EN 13476-1:2025

Plastics piping systems for non-pressure underground drains and sewers. Structured-wall piping systems of unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), polypropylene (PP) and polyethylene (PE) - General requirements and performance characteristics

Replace: BS EN 13476-1:2018

BS EN ISO 21660-2:2025

Solid recovered fuels. Determination of moisture content using the oven dry method - Determination of total moisture by a simplified method

BS 8000-8:2023

Workmanship on construction sites - Design and installation of dry lining systems. Code of practice

Replace: BS 8000-8:1994

BS EN ISO 6683:2025

Earth-moving machinery. Seat-belt assemblies and seat-belt

<p>anchorages. Performance requirements and tests Replace: BS EN ISO 6683:2008 BS ISO/IEC/IEEE 8802-1DC:2025 Telecommunications and exchange between information technology systems. Requirements for local and metropolitan area networks - Quality of service provision by network systems BS ISO/IEC 19086-3:2017+A1:2025 Information technology. Cloud computing. Service level agreement (SLA) framework - Core conformance requirements BS ISO 29997:2025 Internships. Quality guidelines for host organizations BS ISO 9829:2025 Healthcare organization management. Pandemic response (respiratory). Contact tracing BS ISO/IEC 19086-1:2016+A1:2025 Information technology. Cloud computing. Service level agreement (SLA) framework - Overview and concepts BS EN IEC 60669-2-4:2025 Switches for household and similar fixed electrical installations - Particular requirements. Isolating switches BS EN IEC 60669-2-2:2025 Switches for household and similar fixed electrical installations - Particular requirements. Electromagnetic remote-control switches (RCS)</p>	<p>Replace: BS EN 60669-2-2:2006 BS EN IEC 60669-2-3:2025 Switches for household and similar fixed electrical installations - Particular requirements. Time-delay switches (TDS) Replace: BS EN 60669-2-3:2006 BS ISO 18136-1:2025 Automation systems and integration. Nuclear digital ecosystem - Overview and framework BS EN 14056-1:2025 Laboratory furniture — Recommendations for design and installation - General Replace: BS EN 14056:2003 BS EN ISO 18475:2025 Environmental solid matrices. Determination of polychlorinated biphenyls (PCB) by gas chromatography. Mass selective detection (GC-MS) or electron-capture detection (GC-ECD) BS EN 17242:2025 Recirculatory Filtration Fume Cabinets BS EN IEC 60079-25:2022+A1:2025 Explosive atmospheres - Part 25: Intrinsically safe electrical systems Replace: BS EN IEC 60079-25:2022 BS ISO 16359:2025 Horology — Harmonized practices to demonstrate chemical regulatory compliance of wrist-watches BS EN IEC 61249-2-52:2025</p>	<p>Materials for printed boards and other interconnecting structures - Part 2-52: Reinforced base materials clad and unclad - Thermosetting hydrocarbon resin system, woven E-glass reinforced laminate sheets of defined flammability (vertical burning test), copper-clad BS EN 12272-3:2025 Surface dressing — Test methods - Determination of binder aggregate adhesivity by the Vialit plate shock test method BS EN 12272-1:2025 Surface dressing — Test methods - Rate of spread and accuracy of spread of binder and chippings BS EN IEC 60793-2-60:2025 Optical fibres - Product specifications — Sectional specification for class C single-mode interconnection fibres BS EN IEC 61249-2-52:2025 Materials for printed boards and other interconnecting structures - Part 2-52: Reinforced base materials clad and unclad - Thermosetting hydrocarbon resin system, woven E-glass reinforced laminate sheets of defined flammability (vertical burning test), copper-clad BS EN IEC 60068-2-1:2025 Environmental testing - Part 2-1: Tests - Test A: Cold Replace: BS EN 60068-2-1:2007 BS EN IEC 62683-2-2:2025 Low-voltage switchgear and controlgear — Product data and</p>
--	---	--

properties for information exchange — Engineering data - Switchgear and controlgear assembly objects for building information modelling

BS EN IEC 63445:2025

System referencing conductor switching device

BS ISO 11982:2025

Refrigerated hydrocarbon and non-petroleum based liquefied gaseous fuels — Liquefied Natural Gas (LNG) as marine fuel — Measurement on board LNG bunkering ship

BS EN IEC 62841-2-16:2025

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery — Safety - Particular requirements for hand-held fastener driving tools

BS IEC 61000-4-23:2016+A1:2025

Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-23: Testing and measurement techniques - Test methods for protective devices for HEMP and other radiated disturbances

BS EN 17657:2025

Equipments for slaughterhouses — Slaughtering traps for bovine animals — Safety and cleaning requirements

BS EN ISO 18475:2025

Environmental solid matrices. Determination of polychlorinated biphenyls (PCB) by gas chromatography. Mass selective detection (GC-MS) or electron-capture detection (GC-ECD)

BS EN 14056-1:2025

Laboratory furniture — Recommendations for design and installation - General

BS EN 15628:2025

Maintenance — Qualification of maintenance personnel

Replace: BS EN 15628:2014

BS EN ISO 23908:2025

Sharps injury protection. Sharps protection mechanisms for single-use needles, introducers for catheters and needles used for blood testing, monitoring, sampling and medical substance administration. Requirements and test methods

Replace: BS EN ISO 23908:2013

BS ISO 11421:2025

Optics and photonics — Uncertainty of optical transfer function (OTF) measurement

BS EN ISO 20236:2024

Water quality. Determination of total organic carbon (TOC), dissolved organic carbon (DOC), total bound nitrogen (TNb) and dissolved bound nitrogen (DNb) after high temperature catalytic oxidative combustion

BS EN ISO 24490:2025

Cryogenic vessels — Centrifugal pumps for cryogenic service

Replace: BS EN ISO 24490:2016

BS EN ISO 3377-2:2025

Leather — Physical and mechanical tests - Determination of double edge tear load

Replace: BS EN ISO 3377-2:2016

BS EN ISO 17601:2025

Soil quality. Estimation of abundance of selected microbial

gene sequences by quantitative polymerase chain reaction (qPCR) from DNA directly extracted from soil

BS ISO 1813:2025

Belt drives. Electrical conductivity of antistatic belts: Characteristics and test methods

BS ISO 7304-1:2025

Durum wheat semolina and alimentary pasta — Estimation of cooking quality of alimentary pasta by sensory analysis - Reference method

BS EN ISO 21181:2025

Light conveyor belts — Determination of the relaxed elastic modulus

Replace: BS EN ISO 21181:2013

BS ISO 16666:2025

Surface chemical analysis — Total reflection X-ray fluorescence — Principles and general requirements

BS EN ISO 16757-5:2025

Data structures for electronic product catalogues for building services - Product catalogue exchange format

BS EN 18050:2025

User information requirements for vaping products

BS ISO 12994:2025

Electrodeposited nickel plus chromium coatings for automobile plastic parts — Specification and test requirements

BS ISO 15270-5:2025

Plastics — Guidelines for the recovery and recycling of plastics waste - Organic/biological recycling

BS EN ISO 16757-4:2025

Data structures for electronic product catalogues for building services - Data dictionary structures for product catalogues

BS ISO 14577-6:2025

Metallic materials — Instrumented indentation test for hardness and materials parameters - Instrumented indentation test at elevated temperature

BS EN ISO 15223-

1:2021+A1:2025 CD-ROM

Medical devices - Symbols to be used with information to be supplied by the manufacturer - Part 1: General requirements

Replace: BS EN ISO 15223-1:2016 (CD-ROM)

BS EN ISO 15223-

1:2021+A1:2025

Medical devices — Symbols to be used with information to be supplied by the manufacturer - Part 1: General requirements

Replace: BS EN ISO 15223-1:2016 (CD-ROM)

BS EN ISO 5149-4:2025

Refrigerating systems and heat pumps — Safety and environmental requirements - Operation, maintenance, repair and recovery

Replace: BS EN 378-4:2016+A1:2019

BS ISO 17168-4:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting

environment - Removal of formaldehyde

BS ISO 17168-2:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment - Removal of acetaldehyde

BS ISO 13956:2025

Plastics pipes and fittings — Decohesion test of polyethylene (PE) saddle fusion joints — Evaluation of ductility of fusion joint interface by tear test

BS ISO 17168-5:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment - Removal of methyl mercaptan

BS ISO 17168-3:2025

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for air-purification performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment - Removal of toluene

BS ISO 14156:2025

Milk and milk products — Extraction methods for lipids and liposoluble compounds

Replace: BS ISO 14156:2001+A1:2007

BS EN 15051-3:2025

Workplace exposure. Measurement of the dustiness of

bulk materials - Continuous drop method

Replace: BS EN 15051-3:2013

BS EN 50411-3-1:2025 - TC

Fibre management systems and protective housings to be used in optical fibre communication systems. Product specifications - Wall or pole mounted box for splices, for category C and A

BS ISO 5222-1:2025

Heat recovery ventilators and energy recovery ventilators. Testing and calculating methods for performance factor - Sensible heating recovery seasonal performance factors of heat recovery ventilators (HRVs)

BS ISO 6080:2024+A1:2025

Tobacco heating systems — Vocabulary

BS ISO 6080:2024+A1:2025

Tobacco heating systems — Vocabulary

BS EN ISO 15614-9:2025

Specification and qualification of welding procedures for metallic materials. Welding procedure test - Underwater hyperbaric wet welding

BS ISO 10406-2:2025

Fibre-reinforced polymer (FRP) reinforcement of concrete — Test methods - FRP sheets

BS ISO 11040-3:2025

Prefilled syringes - Seals for dental local anaesthetic cartridges

BS EN 325:2025

Wood-based panels. Determination of dimensions of test pieces

Replace: BS EN 325:2012

BS ISO 24611-1:2025 Language resource management. Morphosyntactic annotation framework (MAF) - Core model	diameter greater than or equal to 90 mm	BS EN ISO 53800:2025 Guidelines for the promotion and implementation of gender equality and women's empowerment
BS EN 81-82:2025 Safety rules for the construction and installation of lifts — Existing lifts - Rules for the improvement of the accessibility of existing lifts for persons including persons with disability	BS EN 13445-3:2021+A1:2025 Unfired pressure vessels - Part 3: Design Replace: BS EN 13445-3:2014+A8:2019	BS ISO 15105-2:2025 Plastics film and sheeting — Determination of gas-transmission rate - Equal-pressure method
BS ISO 13640:2025 Building and civil engineering sealants — Specifications for test substrates	BS EN IEC 63522-10:2025 Electrical relays — Tests and measurements - Heating	BS EN ISO 22300:2025 Security and resilience — Vocabulary Replace: BS EN ISO 22300:2021
BS EN 15051-1:2025 Workplace exposure — Measurement of the dustiness of bulk materials - Requirements and choice of test methods	BS EN IEC 63522-1:2025 Electrical relays — Tests and measurements - Visual inspection and check of dimensions	BS EN 12953-2:2025 Shell boilers - Materials for pressure parts of boilers and accessories Replace: BS EN 12953-2:2012
BS ISO 13954:2025 Plastics pipes and fittings — Peel decohesion test for polyethylene (PE) electrofusion assemblies of nominal outside diameter greater than or equal to 90 mm	BS EN 13445-3:2021+A1:2025 Unfired pressure vessels - Part 3: Design Replace: BS EN 13445-3:2014+A8:2019	BS EN 12953-1:2025 Shell boilers - General Replace: BS EN 12953-1:2012
BS ISO 22372:2025 Security and resilience — Community resilience — Guidelines for infrastructure resilience	BS ISO 24835-2:2025 Natural gas upstream area — Determination and calculation of shale brittleness index - Determination of shale mechanical characteristics based on triaxial testing method	BS EN 81-83:2025 Safety rules for the construction and installation of lifts — Existing lifts - Rules for the improvement of the resistance against vandalism
BS EN 1995-1-1:2025 Eurocode 5. Design of timber structures - General rules and rules for buildings	BS EN 12480:2025 Gas meters. Rotary displacement gas meters	BS EN ISO 21182:2025 Light conveyor belts — Determination of the coefficient of friction Replace: BS EN ISO 21182:2013
BS ISO 13954:2025 Plastics pipes and fittings — Peel decohesion test for polyethylene (PE) electrofusion assemblies of nominal outside	BS EN 13124-1:2025 Windows, doors, shutters and curtain walling — Explosion resistance — Test method - Shock tube	BS EN ISO 11641:2025 Leather — Tests for colour fastness — Colour fastness to perspiration Replace: BS EN ISO 11641:2012
	BS EN 13288:2025 Food processing machinery — Bowl lifting and tilting machines — Safety and hygiene requirements Replace: BS EN 13288:2005+A1:2009	BS EN ISO 11997-2:2025 Paints and varnishes — Determination of resistance to cyclic corrosion conditions - Wet (salt fog)/dry/humid/UV light

<p>Replace: BS EN ISO 11997-2:2013</p> <p>BS EN ISO 21180:2025</p> <p>Light conveyor belts — Determination of the maximum tensile strength</p> <p>Replace: BS EN ISO 21180:2013</p> <p>BS EN IEC 62561-2:2025</p> <p>Lightning protection system components (LPSC) - Requirements for conductors and earth electrodes</p> <p>Replace: BS EN IEC 62561-2:2018</p> <p>BS ISO/IEC 17839-1:2025</p> <p>Information technology — Biometric system-on-card - Core requirements</p> <p>BS EN 13084-6:2025</p> <p>Free-standing chimneys - Steel liners — Design and execution</p> <p>Replace: BS EN 13084-6:2015</p> <p>BS EN ISO 5403-1:2025</p> <p>Leather — Determination of water resistance of flexible leather - Repeated linear compression (penetrometer)</p> <p>Replace: BS EN ISO 5403-1:2011</p> <p>BS EN ISO 5403-1:2025</p> <p>Leather — Determination of water resistance of flexible leather - Repeated linear compression (penetrometer)</p> <p>Replace: BS EN ISO 5403-1:2011</p>	<p>Exterior Portland Cement-Based Plaster</p> <p>Pages: 11</p> <p>Replace: ASTM C1063-25</p> <p>ASTM C1600/C1600M-25</p> <p>Standard Specification for Rapid Hardening Hydraulic Cement</p> <p>Pages: 6</p> <p>Replace: ASTM C1600/C1600M-24</p> <p>ASTM D7566-25</p> <p>Standard Specification for Aviation Turbine Fuel Containing Synthesized Hydrocarbons</p> <p>Pages: 40</p> <p>Replace: ASTM D7566-24d</p> <p>ASTM E1673-21(2025)</p> <p>Standard Test Method for Percent Suspensibility</p> <p>Pages: 4</p> <p>Replace: ASTM E1673-21</p> <p>ASTM E1910/E1910M-21(2025)</p> <p>Standard Test Method for Agricultural pH Control Agents, Measurement of pH Change and Buffering Capacity</p> <p>Pages: 3</p> <p>Replace: ASTM E1910/E1910M-21</p> <p>ASTM E1945-21(2025)</p> <p>Standard Test Method for Percent Dispersibility</p> <p>Pages: 3</p> <p>Replace: ASTM E1945-21</p> <p>ASTM E2043-99(2025)</p> <p>Standard Test Method for Nonvolatile Matter of Agricultural Adjuvant Solutions by Thermogravimetry</p> <p>Pages: 2</p> <p>Replace: ASTM E2043-99(2021)</p> <p>ASTM E2931-13(2025)</p>	<p>Standard Test Method for Limiting Oxygen (Oxidant) Concentration of Combustible Dust Clouds</p> <p>Pages: 9</p> <p>Replace: ASTM E2931-13(2019)</p> <p>ASTM E3479/E3479M-25</p> <p>Standard Test Method for Evaluating Aerial Response Robot Capabilities: Fly Through Apertures</p> <p>Pages: 14</p> <p>ASTM F1003-19(2025)</p> <p>Standard Specification for Searchlights on Motor Lifeboats</p> <p>Pages: 3</p> <p>Replace: ASTM F1003-19</p> <p>ASTM F1130-99(2025)</p> <p>Standard Practice for Inspecting the Coating System of a Ship</p> <p>Pages: 16</p> <p>Replace: ASTM F1130-99(2020)</p> <p>ASTM F2090-25</p> <p>Standard Specification for Window Fall Prevention Devices With Emergency Escape (Egress) Release Mechanisms</p> <p>Pages: 16</p> <p>Replace: ASTM F2090-21</p> <p>ASTM F941-99(2025)</p> <p>Standard Practice for Inspection of Marine Surface Preparation and Coating Application</p> <p>Pages: 3</p> <p>Replace: ASTM F941-99(2019)</p> <p>ASTM G93/G93M-25</p> <p>Standard Guide for Cleanliness Levels and Cleaning Methods for Materials and Equipment Used in Oxygen-Enriched Environments</p> <p>Pages: 29</p> <p>Replace: ASTM G93/G93M-19</p> <p>ASTM A615/A615M-25</p>
---	---	--

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM C1063-25a

Standard Specification for Installation of Lathing and Furring to Receive Interior and

Standard Specification for Deformed and Plain Carbon-Steel Bars for Concrete Reinforcement Pages: 10 Replace: ASTM A615/A615M-24 ASTM A706/A706M-25 Standard Specification for Deformed and Plain Low-Alloy Steel Bars for Concrete Reinforcement Pages: 10 Replace: ASTM A706/A706M-24 ASTM B917/B917M-25 Standard Practice for Heat Treatment of Aluminum-Alloy Castings From All Processes Pages: 12 Replace: ASTM B917/B917M-12(2020) ASTM D1287-25 Standard Test Method for pH of Engine Coolants and Antirusts Pages: 4 Replace: ASTM D1287-11(2020) ASTM D3634-21(2025) Standard Test Method for Trace Chloride Ion in Engine Coolants Pages: 3 Replace: ASTM D3634-21 ASTM D709-25 Standard Specification for Laminated Thermosetting Materials Pages: 35 Replace: ASTM D709-17 ASTM E72-25 Standard Test Methods of Conducting Strength Tests of Panels for Building Construction Pages: 14	Replace: ASTM E72-22 ASTM F1160-25 Standard Test Method for Shear and Bending Fatigue Testing of Calcium Phosphate and Metallic Medical and Composite Calcium Phosphate/Metallic Coatings Pages: 11 Replace: ASTM F1160-14(2017)e1 ASTM F2097-25 Standard Guide for Design and Evaluation of Primary Flexible Packaging for Medical Products Pages: 27 Replace: ASTM F2097-23 ASTM F2933-25 Standard Consumer Safety Specification for Crib Mattresses Pages: 14 Replace: ASTM F2933-21a ASTM ISO/ASTM52929-25 Additive manufacturing of metals — Powder bed fusion — Presentation of material properties in material data sheets Pages: 7 ASTM ISO/ASTM52953-25 Additive manufacturing for metals — General principles — Registration of data acquired from process monitoring and for quality control Pages: 15 ASTM A1031/A1031M-25 Standard Specification for Steel, Sheet and Strip, Heavy-Thickness Coils, Alloy, Drawing Steel and Structural Steel, Hot-Rolled Pages: 5	Replace: ASTM A1031/A1031M-12(2017) ASTM A144-25 Standard Specification for Ferrotungsten Pages: 2 Replace: ASTM A144-04(2019) ASTM A324-08(2025) Standard Specification for Ferrotitanium Pages: 2 Replace: ASTM A324-08(2019) ASTM A564/A564M-25 Standard Specification for Hot-Rolled and Cold-Finished Age-Hardening Stainless Steel Bars and Shapes Pages: 8 Replace: ASTM A564/A564M-19a ASTM A572/A572M-25 Standard Specification for High-Strength Low-Alloy Columbium-Vanadium Structural Steel Pages: 4 Replace: ASTM A572/A572M-21e1 ASTM A646/A646M-25 Standard Specification for Premium Quality Alloy Steel Blooms and Billets for Forgings Pages: 5 Replace: ASTM A646/A646M-24 ASTM A732/A732M-25 Standard Specification for Castings, Investment, Carbon and Low-Alloy Steel for General Application, and Cobalt Alloy for High Strength at Elevated Temperatures Pages: 7
--	---	--

<p>Replace: ASTM A732/A732M-20 ASTM B127-25 Standard Specification for Nickel-Copper Alloy Plate, Sheet, and Strip Pages: 7 Replace: ASTM B127-19 ASTM B166-25 Standard Specification for Nickel-Chromium-Aluminum Alloy, Nickel-Chromium-Iron Alloys, Nickel-Chromium- Cobalt-Molybdenum Alloy, Nickel-Iron-Chromium- Tungsten Alloy, and Nickel- Chromium-Molybdenum- Copper Alloy Rod, Bar, and Wire Pages: 9 Replace: ASTM B166-24 ASTM B316/B316M-25 Standard Specification for Aluminum and Aluminum-Alloy Rivet and Cold-Heading Wire and Rods Pages: 7 Replace: ASTM B316/B316M- 20 ASTM C1536-19(2025) Standard Test Method for Measuring the Yield for Aerosol Foam Sealants Pages: 5 Replace: ASTM C1536-19 ASTM C879-03(2025) Standard Test Methods for Release Papers Used with Preformed Tape Sealants Pages: 3 Replace: ASTM C879-03(2019) ASTM D1121-25 Standard Test Methods for Reserve Alkalinity of Engine Coolants and Antirusts</p>	<p>Pages: 6 Replace: ASTM D1121- 11(2020) ASTM D1754/D1754M- 20(2025)e1 Standard Test Method for Effects of Heat and Air on Asphaltic Materials (Thin-Film Oven Test) Pages: 7 Replace: ASTM D1754/D1754M- 20(2025) ASTM D240-25 Standard Test Method for Heat of Combustion of Liquid Hydrocarbon Fuels by Bomb Calorimeter Pages: 10 Replace: ASTM D240-19 ASTM D2628-25 Standard Specification for Preformed Polychloroprene Elastomeric Joint Seals for Concrete Pavements Pages: 3 Replace: ASTM D2628- 91(2016) ASTM D3542-08(2025) Standard Specification for Preformed Polychloroprene Elastomeric Joint Seals for Bridges Pages: 4 Replace: ASTM D3542- 08(2019) ASTM D3666-25 Standard Specification for Minimum Requirements for Agencies Testing and Inspecting Road and Paving Materials Pages: 8 Replace: ASTM D3666-24 ASTM D3705-25</p>	<p>Standard Test Method for Misting Properties of Lubricating Fluids Pages: 8 Replace: ASTM D3705- 14(2019) ASTM D3944-25 Standard Test Method for Solidification Point of Petroleum Wax Pages: 5 Replace: ASTM D3944- 12(2017) ASTM D5505-14(2025) Standard Practice for Classifying Emulsified Recycling Agents Pages: 2 Replace: ASTM D5505- 14(2020) ASTM D5704-25a Standard Test Method for Evaluation of the Thermal and Oxidative Stability of Lubricating Oils Used for Manual Transmissions and Final Drive Axles Pages: 19 Replace: ASTM D5704-25 ASTM D5950-25 Standard Test Method for Pour Point of Petroleum Products (Automatic Tilt Method) Pages: 6 Replace: ASTM D5950- 14(2020) ASTM D5975-17(2025) Standard Test Method for Determining the Stability of Compost by Measuring Oxygen Consumption Pages: 7 Replace: ASTM D5975-17 ASTM D613-25a</p>
---	---	--

Standard Test Method for Cetane Number of Diesel Fuel Oil Pages: 24 Replace: ASTM D613-25 ASTM D6346-17(2025) Standard Guide for Accepting, Segregating, and Packaging Materials Collected Through Household Hazardous Waste Programs Pages: 3 Replace: ASTM D6346-17 ASTM D6937-25 Standard Test Method for Determining Density of Emulsified Asphalt Pages: 3 Replace: ASTM D6937-16 ASTM D6961/D6961M-09(2025) Standard Test Method for Color Measurement of Flax Fiber Pages: 3 Replace: ASTM D6961/D6961M-09(2021) ASTM D7138-25 Standard Test Method to Determine Melting Temperature of Synthetic Fibers Pages: 5 Replace: ASTM D7138-16 ASTM D7506/D7506M-17(2025) Standard Test Method for Pocket Reinforcement Pages: 4 Replace: ASTM D7506/D7506M-17(2021) ASTM D8292-20(2025) Standard Test Method for Permanent Deformation	Behavior and Rutting Resistance of Compacted Asphalt Mix in the Modified Loaded Wheel Tracker Test Utilizing Controlled Confining Pressure Pages: 7 Replace: ASTM D8292-20 ASTM D946/D946M-25a Standard Specification for Penetration-Graded Asphalt Binder for Use in Pavement Construction Pages: 2 Replace: ASTM D946/D946M-25 ASTM E1248-90(2025) Standard Practice for Shredder Explosion Protection Pages: 7 Replace: ASTM E1248-90(2017) ASTM E3088-25 Standard Test Methods for Thermal Conductivity and Thermal Diffusivity Using a Double-Spiral Configuration of the Transient Plane Source Method Pages: 12 ASTM E688-25 Standard Test Methods for Waste Glass as a Raw Material for Glass Manufacturing Pages: 7 Replace: ASTM E688-94(2011) ASTM A1092-25 Standard Specification for Steel Sheet, as Cold-Reduced, for Conversion to Annealed Cold-Rolled Steel Sheet, and Hot Dip Metallic-Coated Steel Sheet Pages: 3 Replace: ASTM A1092-15(2020)	ASTM A1124/A1124M-25a Standard Specification for Textured Epoxy-Coated Steel Reinforcing Bars Pages: 9 Replace: ASTM A1124/A1124M-25 ASTM A751-25 Standard Test Methods and Practices for Chemical Analysis of Steel Products Pages: 6 Replace: ASTM A751-21 ASTM A760/A760M-25 Standard Specification for Corrugated Steel Pipe, Metallic-Coated for Sewers and Drains Pages: 15 Replace: ASTM A760/A760M-15(2020) ASTM B366/B366M-25 Standard Specification for Factory-Made Wrought Nickel and Nickel Alloy Fittings Pages: 9 Replace: ASTM B366/B366M-23 ASTM B462-25a Standard Specification for Forged or Rolled Nickel Alloy Pipe Flanges, Forged Fittings, and Valves and Parts for Corrosive High-Temperature Service Pages: 6 Replace: ASTM B462-25 ASTM B564-25 Standard Specification for Nickel Alloy Forgings Pages: 11 Replace: ASTM B564-22 ASTM C1411-25 Standard Practice for The Ion Exchange Separation of
--	--	--

Uranium and Plutonium Prior to Isotopic Analysis Pages: 4 Replace: ASTM C1411-20 ASTM C1832-25 Standard Test Method for Determination of Uranium Isotopic Composition by Modified Total Evaporation (MTE) Method Using Thermal Ionization Mass Spectrometer Pages: 25 Replace: ASTM C1832-23 ASTM C1852-20(2025) Standard Guide for Product Selection/Delivery Systems for Aerosol Foam Sealants and Adhesives Pages: 7 Replace: ASTM C1852-20 ASTM C1962-25 Standard Specification for Uranium Hexafluoride Enriched From 8 % to Less Than 20 % 235U Pages: 4 ASTM D1754/D1754M-20(2025)e1 Standard Test Method for Effects of Heat and Air on Asphaltic Materials (Thin-Film Oven Test) Pages: 7 Replace: ASTM D1754/D1754M-20(2025) ASTM D2386-25a Standard Test Method for Freezing Point of Aviation Fuels Pages: 6 Replace: ASTM D2386-25 ASTM D3338/D3338M-25	Standard Test Method for Estimation of Net Heat of Combustion of Aviation Fuels Pages: 5 Replace: ASTM D3338/D3338M-20a ASTM D4809-25 Standard Test Method for Heat of Combustion of Liquid Hydrocarbon Fuels by Bomb Calorimeter (Precision Method) Pages: 10 Replace: ASTM D4809-18 ASTM D4868-25 Standard Test Method for Estimation of Net and Gross Heat of Combustion of Hydrocarbon Burner and Diesel Fuels Pages: 3 Replace: ASTM D4868-17 ASTM D4991-25 Standard Test Method for Leakage Testing of Empty Rigid Containers by Vacuum Method Pages: 3 Replace: ASTM D4991-07(2023) ASTM D5793-18(2025) Standard Test Method for Binding Sites per Unit Length or Width of Pile Yarn Floor Coverings Pages: 4 Replace: ASTM D5793-18(2022) ASTM D5985-25 Standard Test Method for Pour Point of Petroleum Products (Rotational Method) Pages: 6 Replace: ASTM D5985-02(2020) ASTM D6193-16(2025)	Standard Practice for Stitches and Seams Pages: 142 Replace: ASTM D6193-16(2020) ASTM D6423-25 Standard Test Method for Determination of pH _e of Denatured Fuel Ethanol and Ethanol Fuel Blends Pages: 5 Replace: ASTM D6423-20a ASTM D6798-02(2025) Standard Terminology Relating to Flax and Linen Pages: 2 Replace: ASTM D6798-02(2018) ASTM D6840-02(2025) Standard Test Method for Effect of Drycleaning on Buttons Pages: 2 Replace: ASTM D6840-02(2021) ASTM D8237-25 Standard Test Method for Determining Fatigue Failure of Asphalt-Aggregate Mixtures with the Four-Point Beam Fatigue Device Pages: 13 Replace: ASTM D8237-21 ASTM E1025-18(2025) Standard Practice for Design, Manufacture, and Material Grouping Classification of Hole-Type Image Quality Indicators (IQI) Used for Radiography Pages: 8 Replace: ASTM E1025-18 ASTM E3189-19(2025) Standard Practice for Separation of Ignitable Liquid Residues from Fire Debris
--	---	---

Samples by Static Headspace Concentration onto an Adsorbent Tube Pages: 6 Replace: ASTM E3189-19 ASTM E3335-25 Standard Guide for Design, Selection, and Application of Vehicle Security Barriers Pages: 45 ASTM F1044-25 Standard Test Method for Shear Testing of Calcium Phosphate Coatings and Metallic Coatings Pages: 8 Replace: ASTM F1044-05(2017)e1 ASTM F1249-25 Standard Test Method for Water Vapor Transmission Rate Through Plastic Film and Sheeting Using a Modulated Infrared Sensor Pages: 6 Replace: ASTM F1249-20 ASTM F1886/F1886M-25 Standard Test Method for Determining Integrity of Primary Packaging by Visual Inspection Pages: 13 Replace: ASTM F1886/F1886M-16(2024) ASTM F2191/F2191M-13(2025) Standard Specification for Packing Material, Graphitic or Carbon Braided Yarn Pages: 9 Replace: ASTM F2191/F2191M-13(2020)e1 ASTM F2823-25 Standard Guide for In-Situ Burning of Oil Spills in Marshes	Pages: 5 Replace: ASTM F2823-20 ASTM F2965-25 Standard Guide for Selection of Walkway Surfaces and Treatments When Considering Aggressive Contaminant Conditions in Commercial and Industrial Environments (Not Including Construction Work) Pages: 3 Replace: ASTM F2965-13 ASTM F3052-14(2025) Standard Guide for Conducting Small Boat Stability Test (Deadweight Survey and Air Inclining Experiment) to Determine Lightcraft Weight and Centers of Gravity of a Small Craft Pages: 20 Replace: ASTM F3052-14(2020)e1 ASTM F3264-25 Standard Specification for Normal Category Aeroplanes Certification Pages: 15 Replace: ASTM F3264-24 ASTM F3319-20(2025) Standard Specification for Selection and Application of Field-Installed Cryogenic Pipe and Equipment Insulation Systems on Liquefied Natural Gas (LNG)-Fueled Ships Pages: 6 Replace: ASTM F3319-20 ASTM F3361-18(2025) Standard Guide for Classifying Alterations for In-Service Aircraft under FAA Authority Oversight Pages: 9	Replace: ASTM F3361-18e1 ASTM F3665-25 Standard Practice for Classification, Design, Manufacture, Construction, Maintenance, and Operation of Controlled Surf Basins Pages: 5 ASTM F3725-25 Standard Consumer Safety Specification for Dog Harnesses for Motor Vehicle Safety Pages: 11 ASTM B678-25 Standard Test Method for Solderability of Metallic-Coated Products Pages: 3 Replace: ASTM B678-23 ASTM C11-25 Standard Terminology Relating to Gypsum and Related Building Materials and Systems Pages: 7 Replace: ASTM C11-24a ASTM C136/C136M-25 Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates Pages: 5 Replace: ASTM C136/C136M-19 ASTM C231/C231M-25 Standard Test Method for Air Content of Freshly Mixed Concrete by the Pressure Method Pages: 10 Replace: ASTM C231/C231M-24 ASTM C309-25 Standard Specification for Liquid Membrane-Forming Compounds for Curing Concrete
--	---	--

Pages: 4 Replace: ASTM C309-19 ASTM C577-25 Standard Test Method for Permeability of Refractories Pages: 5 Replace: ASTM C577-19 ASTM D2386-25a Standard Test Method for Freezing Point of Aviation Fuels Pages: 6 Replace: ASTM D2386-25 ASTM D2699-25 Standard Test Method for Research Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 48 Replace: ASTM D2699-24b ASTM D2700-25 Standard Test Method for Motor Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel Pages: 59 Replace: ASTM D2700-24c ASTM D3136-25 Standard Terminology Relating to Care Labeling for Apparel, Textile, Home Furnishing, and Leather Products Pages: 5 Replace: ASTM D3136-24 ASTM D3882-08(2025) Standard Test Method for Bow and Skew in Woven and Knitted Fabrics Pages: 5 Replace: ASTM D3882-08(2020) ASTM D5404/D5404M-25 Standard Practice for Recovery of Asphalt Binder from Solution Using the Rotary Evaporator Pages: 5	Replace: ASTM D5404/D5404M-24 ASTM D6892-25 Standard Test Method for Pour Point of Petroleum Products (Robotic Tilt Method) Pages: 6 Replace: ASTM D6892-03(2020) ASTM D7279-25 Standard Test Method for Kinematic Viscosity of Transparent and Opaque Liquids by Automated Houillon Viscometer Pages: 9 Replace: ASTM D7279-20 ASTM F2959-25b Standard Practice for Aerial Adventure Courses Pages: 23 Replace: ASTM F2959-25a ASTM F3764-25 Standard Guide for Medical Qualifications for Orbital Vehicle Participant Pages: 11 ASTM F3781-25 Standard Test Method for Measurement of the Fracture Resistance of a Modular Resilient Flooring's Profiled Edge(s) to an Applied Vertical Force Pages: 7 ASTM D7382-25 Standard Test Methods for Determination of Maximum Dry Unit Weight of Granular Soils Using a Vibrating Hammer Pages: 15 Replace: ASTM D7382-20 ASTM D7958/D7958M-25	Standard Test Method for Evaluation of Performance for FRP Composite Bonded to Concrete Substrate using Beam Test Pages:8 Replace: ASTM D7958/D7958M-17 ASTM D8321-25 Standard Practice for Development and Validation of Multivariate Analyses for Use in Predicting Properties of Petroleum Products, Liquid Fuels, and Lubricants based on Spectroscopic Measurements Pages: 55 Replace: ASTM D8321-22 ASTM D8505/D8505M-25 Standard Specification for Basalt and Glass Fiber Reinforced Polymer (FRP) Bars for Concrete Reinforcement Pages: 7 Replace: ASTM D8505/D8505M-23 ASTM D8591-25 Standard Test Method for Determination of Fluorotelomer Alcohols in Test Chamber Air by Thermal Desorption-Gas Chromatography-Triple Quadrupole Tandem Mass Spectrometry (TD-GC-MS/MS) Pages: 15 Replace: ASTM D8591-24 ASTM D8634-25 Standard Test Method for Measurement of Conductivity in Electric Vehicle (EV) Coolants Pages: 3 ASTM E1070-25 Standard Test Method for Determination of Phosphorus in
--	---	--

Iron Ores by Phospho- Molybdenum-Blue Spectrophotometry Pages: 3 Replace: ASTM E1070-17a ASTM E2881-25 Standard Test Method for Extraction and Derivatization of Fatty Acid-Based Products from Fire Debris and Liquid Samples with Analysis by Gas Chromatography-Mass Spectrometry Pages: 8 Replace: ASTM E2881-18 ASTM E316-25 Standard Test Method for Determination of Iron in Manganese Ores by Hydrogen Sulfide Reduction-Dichromate Titrimetry Pages: 3 Replace: ASTM E316-17 ASTM E3492-25 Standard Practice for Commonly Referenced Acoustical Calculation Procedures Pages: 4 ASTM F1750-16(2025) Standard Specification for Paintball Marker Threaded- Propellant Source Interface Pages: 3 Replace: ASTM F1750-16(2020) ASTM F2249-25 Standard Specification for In- Service Test Methods for Temporary Grounding Jumper Assemblies Used on De- energized Electric Power Lines and Equipment Pages: 11	Replace: ASTM F2249-24 ASTM F2680-17(2025) Standard Test Methods and Specifications for Bicycle Manually Operated Front Wheel Retention Systems Pages: 7 Replace: ASTM F2680-17 ASTM F606/F606M-25a Standard Test Methods for Determining the Mechanical Properties of Externally and Internally Threaded Fasteners, Washers, Direct Tension Indicators, and Rivets Pages: 19 Replace: ASTM F606/F606M-24 ASTM ISO/ASTM52911-2- 19(2025) Additive manufacturing — Design — Part 2: Laser-based powder bed fusion of polymers Pages: 13 Replace: ASTM ISO/ASTM52911-2-19 ASTM A181/A181M-25 Standard Specification for Carbon Steel Forgings, for General-Purpose Piping Pages: 3 Replace: ASTM A181/A181M-23 ASTM A182/A182M-25a Standard Specification for Forged or Rolled Alloy and Stainless Steel Pipe Flanges, Forged Fittings, and Valves and Parts for High-Temperature Service Pages: 17 Replace: ASTM A182/A182M-25 ASTM A420/A420M-25a	Standard Specification for Piping Fittings of Wrought Carbon Steel and Alloy Steel for Low-Temperature Service Pages: 7 Replace: ASTM A420/A420M-25 ASTM A860/A860M-25a Standard Specification for Wrought High-Strength Ferritic Steel Butt-Welding Fittings Pages: 5 Replace: ASTM A860/A860M-25 ASTM A941-25c Standard Terminology Relating to Steel, Stainless Steel, Related Alloys, and Ferroalloys Pages: 9 Replace: ASTM A941-25b ASTM C566-25 Standard Test Method for Total Evaporable Moisture Content of Aggregate by Drying Pages: 3 Replace: ASTM C566-19 ASTM D1336-07(2025)e1 Standard Test Method for Distortion of Yarn in Woven Fabrics Pages: 5 Replace: ASTM D1336-07(2019) ASTM D1404/D1404M- 99(2025) Standard Test Method for Estimation of Deleterious Particles in Lubricating Grease Pages: 4 Replace: ASTM D1404/D1404M- 99(2019) ASTM D2042-25
---	--	--

Standard Test Method for Solubility of Asphalt Materials
Pages: 4
Replace: ASTM D2042-22
ASTM D2724-19(2025)e1
Standard Test Method for Bond Strength of Bonded, Fused, and Laminated Apparel Fabrics
Pages: 5
Replace: ASTM D2724-19
ASTM D2881-19(2025)
Standard Classification for Metalworking Fluids and Related Materials
Pages: 2
Replace: ASTM D2881-19
ASTM D7111-16(2025)
Standard Test Method for Determination of Trace Elements in Middle Distillate Fuels by Inductively Coupled Plasma Atomic Emission Spectrometry (ICP-AES)
Pages: 11
Replace: ASTM D7111-16(2021)
ASTM D4422-25
Standard Test Method for Ash Content in Petroleum Coke
Pages: 3
Replace: ASTM D4422-19
ASTM D5252-25
Standard Practice for the Operation of the Hexapod Tumble Drum Tester
Pages: 5
Replace: ASTM D5252-24
ASTM D5286-25
Standard Test Methods for Determination of Transfer Efficiency Under General Production Conditions for Spray Application of Paints
Pages: 5

Replace: ASTM D5286-20
ASTM D6122-25
Standard Practice for Validation of the Performance of Multivariate Online, At-Line, Field and Laboratory Infrared Spectrophotometer, and Raman Spectrometer Based Analyzer Systems
Pages: 52
Replace: ASTM D6122-23
ASTM D6207-03(2025)e1
Standard Test Method for Dimensional Stability of Fabrics to Changes in Humidity and Temperature
Pages: 6
Replace: ASTM D6207-03(2019)
ASTM D6544-25
Standard Practice for Preparation of Textiles Prior to Ultraviolet (UV) Transmission Testing
Pages: 6
Replace: ASTM D6544-21
ASTM D6728-16(2025)
Standard Test Method for Determination of Contaminants in Gas Turbine and Diesel Engine Fuel by Rotating Disc Electrode Atomic Emission Spectrometry
Pages: 7
Replace: ASTM D6728-16(2021)
ASTM D6792-25
Standard Practice for Quality Management Systems in Petroleum Products, Liquid Fuels, and Lubricants Testing Laboratories
Pages: 14
Replace: ASTM D6792-23c

ASTM D6821-25
Standard Test Method for Low Temperature Viscosity of Drive Line Lubricants in a Constant Shear Stress Viscometer
Pages: 7
Replace: ASTM D6821-20a
ASTM D6896-25
Standard Test Method for Determination of Yield Stress and Apparent Viscosity of Used Engine Oils at Low Temperature
Pages: 9
Replace: ASTM D6896-20a

❖ TIÊU CHUẨN JIS

JIS A 5209:2025
Ceramic tiles
Pages: 34
JIS A 8341-4:2025
Earth-moving machinery- Functional safety-Part 4: Design and evaluation of software and data transmission for safety-related parts of the control system
Pages: 48
JIS B 6336-10:2025
Test conditions for machining centres-Part 10: Evaluation of thermal distortions
Pages: 50
JIS C 1291:2025
Performance and testing method of active energy measurement for power electronic converter systems and equipment
Pages: 36
JIS C 1302:2025
Insulation resistance testers
Pages: 28
JIS C 3215-0-1:2025

Specifications for particular types of winding wires-Part 0-1: General requirements-Enamelled round copper wire Pages: 40 JIS C 3215-0-2:2025	Pages: 48 JIS C 5101-20:2025 Fixed capacitors for use in electronic equipment-Part 20: Sectional specification-Fixed metallized polyphenylene sulfide film dielectric surface mount DC capacitors Pages: 38 JIS C 5101-23:2025 Fixed capacitors for use in electronic equipment-Part 23: Sectional specification-Fixed metallized polyethylene naphthalate film dielectric surface mount DC capacitors Pages: 36 JIS C 5910-1:2019/AMENDMENT 1:2025 Non-wavelength-selective fiber optic branching devices-Part 1: Generic specification (Amendment 1) Pages: 4 JIS C 5920-4:2025 Fiber optic passive power control devices-Part 4: Plug-receptacle style, fixed optical attenuator for single-mode fiber Pages: 18 JIS C 6192-1:2025 Lasers and laser-related equipment-Test methods for laser beam widths, divergence angles and beam propagation ratios-Part 1: Stigmatic and simple astigmatic beams Pages: 34 JIS C 6192-2:2025 Lasers and laser-related equipment-Test methods for laser beam widths, divergence angles and beam propagation	ratios-Part 2: General astigmatic beams Pages: 32 JIS C 6610:2025 Interfaces for flexible waveguides Pages: 22 JIS C 9335-2-16:2025 Household and similar electrical appliances-Safety-Part 2-16: Particular requirements for food waste disposers Pages: 20 JIS C 9335-2-55:2025 Household and similar electrical appliances-Safety-Part 2-55: Particular requirements for electrical appliances for use with aquariums and garden ponds Pages: 24 JIS C 9335-2-59:2025 Household and similar electrical appliances-Safety-Part 2-59: Particular requirements for insect killers Pages: 22 JIS C 61300-2-6:2025 Fiber optic interconnecting devices and passive components-Basic test and measurement procedures-Part 2-6: Tests-Tensile strength of coupling mechanism Pages: 10 JIS C 61757-1-1:2025 Fiber optic sensors-Part 1-1: Strain measurement-Strain sensors based on fiber Bragg gratings Pages: 50 JIS C 62282-4-101:2025 Fuel cell technologies-Part 4-101: Fuel cell power systems for
Specifications for particular types of winding wires-Part 0-2: General requirements-Enamelled rectangular copper wire Pages: 36 JIS C 3215-0-3:2025	Specifications for particular types of winding wires-Part 0-3: General requirements-Enamelled round aluminium wire Pages: 26 JIS C 3215-0-4:2025	
Specifications for particular types of winding wire-Part 0-4: General requirements-Glass-fibre wound bare or enamelled rectangular copper wire Pages: 32 JIS C 3215-17:2025	Specifications for particular types of winding wires-Part 17: Polyvinyl acetal enamelled rectangular copper wire, class 105 Pages: 12 JIS C 3410:2025	
Cables and flexible cords for electrical equipment of ships Pages: 62 JIS C 3411:2025	Electrical installations in ships-General construction and test methods of power, control and instrumentation cables for shipboard and offshore applications	

electrically powered industrial trucks-Safety

Pages: 52

JIS C 62282-9-101:2025

Fuel cell technologies-Part 9-101: Evaluation methodology for the environmental performance of fuel cell power systems based on life cycle thinking-Streamlined life-cycle considered environmental performance characterization of stationary fuel cell combined heat and power systems for residential applications

Pages: 22

JIS C 62623:2025

Desktop and notebook computers-Measurement of energy consumption

Pages: 44

JIS C 63027:2025

Photovoltaic power systems-DC arc detection and interruption

Pages: 66

JIS H 1183:2025

Method for photoelectric emission spectrochemical analysis of silver bullion

Pages: 18

JIS H 1402:2025

Methods for chemical analysis of tungsten powder and tungsten carbide powder

Pages: 74

JIS H 7005:2025

International Electrotechnical Vocabulary-Superconductivity

Pages: 58

JIS K 6249:2025

Physical testing methods for uncured and cured silicone rubber

Pages: 28

JIS L 1950-1:2025

Textiles-Anti-mosquito performance test method-Part 1: Test method for the attractive blood-feeding apparatus

Pages: 24

JIS M 0302:2025

Method of test for compressive strength of rock

Pages: 6

JIS M 0303:2025

Method of test for tensile strength of rock

Pages: 6

JIS X 0154:2025

Systems and software engineering-Content management for product life cycle and service management information for users

Pages: 66

JIS X 0560:2025

Automatic identification and data capture techniques-Supply chain applications of RFID-Product tagging, product packaging, transport units, returnable transport units and returnable packaging items

Pages: 60

JIS X 0606:2025

Volume and file structure of CD-ROM for information interchange

Pages: 64

JIS Z 8530-221:2025

Ergonomics of human-system interaction-Part 221: Human-centred design process assessment model

Pages: 92

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN EN ISO 374-6

Protective gloves against dangerous chemicals and micro-organisms - Part 6: Protective gloves for hairdressers (ISO 374-6:2025); German version EN ISO 374-6:2025

DIN EN 15991

Testing of ceramic raw materials and ceramic materials - Direct determination of mass fractions of impurities in powders and granules of silicon carbide by inductively coupled plasma optical emission spectrometry with electrothermal vaporisation (ETV-ICP-OES); German version EN 15991:2025

DIN ISO 5688

Textiles - Synthetic filament yarns - Test methods for crimp properties of textured yarns (ISO 5688:2024)

DIN EN 15979

Testing of ceramic raw materials and ceramic materials - Direct determination of mass fractions of impurities in powders and granules of silicon carbide by optical emission spectrometry by direct current arc excitation (DCArc-OES); German version EN 15979:2025

DIN EN 15115

Textile floor coverings - Determination of sensitivity to spilled water; German version EN 15115:20

DIN EN 15342

Plastics - Recycled plastics - Characterization of polystyrene

(PS) recyclates; German version EN 15342:2025	trading; German version EN 18065:2025	specification; German version EN 12522:2024
DIN EN 12369-1	DIN EN 14476	DIN EN 12522
Wood-based panels - Characteristic values for structural design - Part 1: OSB, particleboards and fibreboards; German version EN 12369-1:2025	Chemical disinfectants and antiseptics - Quantitative suspension test for the evaluation of virucidal activity in the medical area - Test method and requirements (Phase 2/Step 1); German version EN 14476:2025	Furniture removal activities - Furniture removal for private individuals - Service specification; German version EN 12522:2024
DIN EN ISO 13079	DIN EN 17745	DIN EN ISO 11554
Laboratory glass and plastics ware - Tubes for the measurement of the erythrocyte sedimentation rate by the Westergren method (ISO 13079:2011); German version EN ISO 13079:2011	Agricultural and forestry machinery - Environmental requirements for granule applicator of Plant Protection Products; German version EN 17745:2025	Optics and photonics - Lasers and laser-related equipment - Test methods for laser beam radiant power, radiant energy and temporal characteristics (ISO 11554:2025); German version EN ISO 11554:2025
DIN EN 13655	DIN EN 14069	DIN EN 17526
Plastics - Thermoplastic mulch films recoverable after use, for use in agriculture and horticulture; German version EN 13655:2025	Liming materials - Denominations, specifications and labelling; German version EN 14069:2025	Gas meter - Thermal-mass flow-meter based gas meter; German version EN 17526:2021+A1:2025
DIN EN 14206	DIN EN 15345	DIN EN ISO 23308-3
Inland navigation vessels - Gangways for passenger vessels - Requirements, tests; German version EN 14206:2025	Plastics - Recycled plastics - Characterization of polypropylene (PP) recyclates; German version EN 15345:2025	Energy efficiency of industrial trucks - Test methods - Part 3: Container handling lift trucks (ISO 23308-3:2025); German version EN ISO 23308-3:2025
DIN ISO 24173	DIN ISO 45004	DIN EN 16586-1
Microbeam analysis - Guidelines for orientation measurement using electron backscatter diffraction (ISO 24173:2024)	Occupational health and safety management - Guidelines on performance evaluation (ISO 45004:2024)	Railway applications - Design for PRM use - Accessibility of persons with reduced mobility to rolling stock - Part 1: Steps for access and egress; German version EN 16586-1:2025
DIN EN 13155	DIN EN 18103	DIN EN 3532
Cranes - Safety - Non-fixed load lifting attachments; German version EN 13155:2020+A1:2025	Inorganic fertilizers - Determination of nutrient polymers nitrogen in the presence of other nitrogenous forms; German version EN 18103:2025	Aerospace series - Steel X2NiCoMo18-8-5 (1.6359) - Vacuum induction melted and vacuum arc remelted - Solution treated and precipitation treated - Plates - 6 mm < a ≤ 40 mm - 1 750 MPa ≤ R _m ≤ 2 000 MPa; German and English version EN 3532:2025
DIN EN 18065	DIN EN 12522	
Plastics - Recycled plastics - Classification of recycled plastics based on Data Quality Levels for use and (digital)	Furniture removal activities - Furniture removal for private individuals - Service	

DIN EN 3527

Aerospace series - Steel
33CrMoV12 (1.8522) - Air
melted - Softened - Forging
stock - a or D ≤ 300 mm;
German and English version EN
3527:2025

DIN EN 3365

Aerospace series - Steel
X15CrNi17-3 (1.4057) - Air
melted - Softened - Forging
stock - a or D ≤ 300 mm;
German and English version EN
3365:2025

DIN EN 3359

Aerospace series - Steel
X3CrNiMoAl13-8-2 (1.4534) -
Vacuum induction melted and
consumable electrode remelted
- Softened - Forging stocks - a or
D ≤ 300 mm; German and
English version EN 3359:2025

DIN EN 3490

Aerospace series - Steel
X15CrNi17-3 (1.4057) - Air
melted - Hardened and
tempered - Bars for machining -
D_e ≤ 200 mm - 900 MPa ≤ R_m ≤ 1
100 MPa; German and English
version EN 3490:2025

DIN EN 3531

Aerospace series - Steel
X2NiCoMo18-8-5 (1.6359) -
Vacuum induction melted and
vacuum arc remelted - Solution
treated and precipitation
treated - Sheets and strips - a ≤
6 mm - 1 750 MPa ≤ R_m ≤ 2 000
MPa; German and English
version EN 3531:2025

DIN EN ISO 3035

Corrugated fibreboard -
Determination of flat crush
resistance (ISO 3035:2025);

German version EN ISO
3035:2025

DIN EN 4912

Aerospace series - ECO
efficiency of seats; German and
English version EN 4912:2025

DIN EN 15344

Plastics - Recycled plastics -
Characterization of
Polyethylene (PE) recyclates;
German version EN 15344:2025

DIN EN ISO 19211

Anaesthetic and respiratory
equipment - Fire-activated
oxygen shut-off devices for use
during oxygen therapy (ISO
19211:2024); German version
EN ISO 19211:2025

DIN EN ISO 6877

Dentistry - Endodontic
obturing materials (ISO
6877:2025); German version EN
ISO 6877:2025

DIN EN 12944-3

Fertilizers, liming materials and
inhibitors - Vocabulary - Part 3:
Terms relating to liming
materials; German version EN
12944-3:2025

DIN EN 13848-4

Railway applications - Track -
Track geometry quality - Part 4:
Measuring systems - Manual
and lightweight devices;
German version EN 13848-
4:2025

DIN EN 15091

Sanitary tapware - Electronic
opening and closing sanitary
tapware; German version EN
15091:2024 + AC:2025

DIN EN 14470-1

Fire safety storage cabinets -
Part 1: Safety storage cabinets

for flammable liquids; German
version EN 14470-1:2023

DIN EN ISO 9917-1

Dentistry - Water-based
cements - Part 1: Acid-base
cements (ISO 9917-1:2025);
German version EN ISO 9917-
1:2025

DIN EN 13892-10

Method of test for screed
materials - Part 10:
Determination of moisture
content - Calcium Carbide
Method; German version EN
13892-10:2025

DIN EN 15955-1

Railway applications -
Infrastructure - Demountable
machines, trailers and
associated equipment - Part 1:
Technical requirements for
travelling and working; German
version EN 15955-1:2025

DIN EN ISO 23308-1

Energy efficiency of industrial
trucks - Test methods - Part 1:
General (ISO 23308-1:2025);
German version EN ISO 23308-
1:2025

DIN EN 15004-2

Fixed firefighting systems - Gas
extinguishing systems - Part 2:
Physical properties and system
design of gas extinguishing
systems for FK-5-1-12
extinguishant (ISO 14520-
5:2024, modified); German
version EN 15004-2:2025

DIN EN 12309-6

Gas-fired sorption appliances
for heating and/or cooling with
a net heat input not exceeding
70 kW - Part 6: Calculation of

seasonal performances; German version EN 12309-6:2025 DIN EN ISO 20127 Dentistry - Physical properties of powered toothbrushes (ISO 20127:2025); German version EN ISO 20127:2025 DIN EN 16586-2 Railway applications - Design for PRM use - Accessibility of persons with reduced mobility to rolling stock - Part 2: Boarding aids; German version EN 16586-2:2025 DIN EN 13946 Water quality - Guidance standard for the routine sampling and preparation of benthic diatoms from rivers and lakes; German version EN 13946:2025 DIN EN ISO 8501-3 Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Visual assessment of surface cleanliness - Part 3: Preparation grades of welds, edges and other areas with surface imperfections (ISO 8501-3:2025); German version EN ISO 8501-3:2025 DIN EN ISO 8501-3 Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Visual assessment of surface cleanliness - Part 3: Preparation grades of welds, edges and other areas with surface imperfections (ISO 8501-3:2025); German version EN ISO 8501-3:2025 DIN EN 4727	Aerospace series - Standardized passenger seat weight information; German and English version EN 4727:2025 DIN EN ISO 23308-2 Energy efficiency of industrial trucks - Test methods - Part 2: Operator-controlled self-propelled trucks, burden and personnel carriers and towing tractors (ISO 23308-2:2025); German version EN ISO 23308-2:2025 DIN EN ISO 12628 Thermal insulating products for building equipment and industrial installations - Determination of dimensions, squareness and linearity of preformed pipe insulation (ISO 12628:2022 + Amd 1:2025); German version EN ISO 12628:2022 + A1:2025 DIN EN 13892-9 Methods of test for screed materials - Part 9: Dimensional stability; German version EN 13892-9:2025 DIN EN 12369-2 Wood-based panels - Characteristic values for structural design - Part 2: Plywood; German version EN 12369-2:2025 DIN EN ISO 5059-1 Geometrical product specifications (GPS) - Dimensional measuring equipment - Part 1: Design and metrological characteristics of two-point inside micrometers (ISO 5059-1:2025); German version EN ISO 5059-1:2025 DIN EN ISO 5149-4	Refrigerating systems and heat pumps - Safety and environmental requirements - Part 4: Operation, maintenance, repair and recovery (ISO 5149-4:2022); German version EN ISO 5149-4:2025 DIN EN ISO 56000 Innovation management - Fundamentals and vocabulary (ISO 56000:2025); German version EN ISO 56000:2025 DIN EN ISO 8754 Petroleum products - Determination of sulfur content - Energy-dispersive X-ray fluorescence spectrometry (ISO 8754:2025); German version EN ISO 8754:2025 DIN EN ISO 75-3 Plastics - Determination of temperature of deflection under load - Part 3: High-strength thermosetting laminates and long-fibre-reinforced plastics (ISO 75-3:2025); German version EN ISO 75-3:2025 DIN EN 15955-2 Railway applications - Infrastructure - Demountable machines, trailers and associated equipment - Part 2: General safety requirements; German version EN 15955-2:2025 DIN EN 3155-016 Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 016: Contacts, electrical, male, type A, crimp, class S - Product standard; German and English version EN 3155-016:2025 DIN EN ISO 15630-3
--	---	--

Steel for the reinforcement and prestressing of concrete - Test methods - Part 3: Prestressing steel (ISO 15630-3:2025); German version EN ISO 15630-3:2025

DIN EN 1992-1-2

Eurocode 2 - Design of concrete structures - Part 1-2: Structural fire design; German version EN 1992-1-2:2023

DIN EN 2267-002

Aerospace series - Cables, electrical, for general purpose - Operating temperatures between -55 °C and 260 °C - Part 002: General; German and English version EN 2267-002:2025

DIN EN 3155-004

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 004: Contacts, electrical, male, type A, crimp, class T - Product standard; German and English version EN 3155-004:2025

DIN EN 14383-1

Crime prevention through building design, urban planning and city maintenance - Part 1: Vocabulary; Trilingual version EN 14383-1:2025

DIN EN 2714-013

Aerospace series - Cables, electrical, single and multicore for general purpose - Operating temperatures between -55 °C and 260 °C - Part 013: DR family, screened (spiral) and jacketed, UV laser printable - Product standard; German and English version EN 2714-013:2025

DIN EN 3155-005

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 005: Contacts, electrical, female, type A, crimp, class T - Product standard; German and English version EN 3155-005:2025

DIN EN 12312-15

Aircraft ground support equipment - Specific requirements - Part 15: Baggage and equipment tractors; German and English version EN 12312-15:2020+A2:2025

DIN EN 17017-1

Electronic Public Procurement - Fulfilment - Part 1: Choreographies; German version EN 17017-1:2025

DIN EN ISO 18618

Dentistry - Interoperability of CAD/CAM systems (ISO 18618:2025); English version EN ISO 18618:2025

DIN EN ISO 17523

Health informatics - Requirements for electronic prescriptions (ISO 17523:2025); English version EN ISO 17523:2025

DIN EN 9239

Aerospace series - Programme management - Recommendations to implement risk management and opportunity management; English version EN 9239:2024

DIN EN ISO 10781

Health informatics - HL7 Electronic Health Records-System Functional Model, Release 2.1 (EHR FM) (ISO

10781:2023); English version EN ISO 10781:2025

DIN EN ISO 19152-4

Geographic information - Land Administration Domain Model (LADM) - Part 4: Valuation information (ISO 19152-4:2025); English version EN ISO 19152-4:2025

DIN EN ISO 19152-2

Geographic information - Land Administration Domain Model (LADM) - Part 2: Land registration (ISO 19152-2:2025); English version EN ISO 19152-2:2025

DIN EN ISO 19109

Geographic information - General feature model and rules for application schema (ISO 19109:2025); English version EN ISO 19109:2025

DIN EN ISO 19152-5

Geographic information - Land Administration Domain Model (LADM) - Part 5: Spatial plan information (ISO 19152-5:2025); English version EN ISO 19152-5:2025

DIN EN ISO 19178-1

Geographic information - Training data markup language for artificial intelligence - Part 1: Conceptual model (ISO 19178-1:2025); English version EN ISO 19178-1:2025

DIN EN ISO 16795

Nuclear energy - Determination of Gd₂O₃ content in pellets containing uranium oxide by X-ray fluorescence spectrometry (ISO 16795:2024); English version EN ISO 16795:2025

DIN EN 9300-001

Aerospace series - LOTAR - Long Term Archiving and Retrieval of digital technical product documentation such as 3D, CAD and PDM data - Part 001: Structure; English version EN 9300-001:2024

DIN CEN ISO/TS 16901

Guidance on performing risk assessment in the design of onshore LNG installations including the ship/shore interface (ISO/TS 16901:2022); German version CEN ISO/TS 16901:2025

DIN CEN ISO/TS 7127

Light and lighting - Building information modelling properties for lighting - Lighting systems (ISO/TS 7127:2023); German version CEN ISO/TS 7127:2024

DIN CEN/TS 17489-5

Personal identification - Secure and interoperable European breeder documents - Part 5: Trust establishment and management processes; English version CEN/TS 17489-5:2025

DIN CEN ISO/TS 5615

Health informatics - Accelerating safe, effective and secure remote connected care and mobile health through standards-based interoperability solutions addressing gaps revealed by pandemics (ISO/TS 5615:2025); English version CEN ISO/TS 5615:2025

VDI 5207 Blatt 3

Energy-flexible factory - IT infrastructure for the operation of energy-flexible factories

VDI 5207 Blatt 2

Energy-flexible factory - Identification and technical evaluation

❖ Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)

UL 30 Edition 10, 2025

Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids

UL 94 Edition 7, 2025

Tests for Flammability of Plastic Materials for Parts in Devices and Appliances

UL 125 Edition 10, 2025

ANSI/CAN/UL/ULC Flow Control Valves for Anhydrous Ammonia and LP-Gas

UL 150 Edition 4, 2025

Standard for Antenna Rotators

UL 180 Edition 10, 2025

Combustible Liquid Tank Accessories

UL 244B Edition 1, 2025

Standard for Field Installed and/or Field Connected Appliance Controls

UL 246A Edition 1, 2025

Non-Threaded Connections for Fire Hydrants and Fire Department Connections

UL 268 Edition 8, 2025

Smoke Detectors for Fire Alarm Systems

UL 268 Edition 8, 2025

Smoke Detectors for Fire Alarm Systems

UL 291 Edition 6, 2025

Standard for Automated Teller Systems

UL 307B Edition 6, 2025

Standard for Gas-Burning Heating Appliances for Manufactured Homes and Recreational Vehicles

UL 360 Edition 8, 2025

Standard for Liquid-Tight Flexible Metal Conduit

UL 393 Edition 8, 2025

Standard for Indicating Pressure Gauges for Fire-Protection Service

UL 405 Edition 7, 2025

Threaded Fire Department Connection Devices

UL 499 Edition 14, 2025

Standard for Electric Heating Appliances

UL 541 Edition 9, 2025

Standard for Refrigerated Vending Machines

UL 555 Edition 7, 2025

Standard for Fire Dampers

UL 588 Edition 19, 2025

Standard for Seasonal and Holiday Decorative Products

UL 626 Edition 9, 2025

Water Fire Extinguishers

UL 651 Edition 8, 2025

Standard for Schedule 40 and 80 Rigid PVC Conduit and Fittings

UL 674 Edition 6, 2025

Electric Motors and Generators for Use in Hazardous (Classified) Locations

UL 746A Edition 6, 2025

Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations

UL 746C Edition 7, 2025

Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations

UL 746S Edition 1, 2025

Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment UL 796 Edition 12, 2025	Standard for Electric Commercial Clothes-Washing Equipment UL 1242 Edition 5, 2025	UL 1699 Edition 4, 2025 Standard for Arc-Fault Circuit-Interrupters UL 1821 Edition 4, 2025
Printed Wiring Boards UL 796F Edition 4, 2025	Standard for Electrical Intermediate Metal Conduit - Steel UL 1309A Edition 1, 2025	Thermoplastic Sprinkler Pipe and Fittings for Fire Protection Service UL 1838 Edition 3, 2025
Flexible Materials Interconnect Constructions UL 797 Edition 9, 2025	Outline of Investigation for Cable for Use in Mobile Installations UL 1429 Edition 4, 2025	Standard for Low Voltage Landscape Lighting Systems UL 1974 Edition 2, 2025
Electrical Metallic Tubing - Steel UL 810A Edition 1, 2025	Standard for Pullout Switches UL 1450 Edition 4, 2025	Evaluation for Repurposing or Remanufacturing Batteries UL 1996 Edition 4, 2025
Standard for Electrochemical Capacitors UL 817A Edition 1, 2025	Standard for Motor-Operated Air Compressors, Vacuum Pumps, and Painting Equipment UL 1484 Edition 6, 2025	Standard for Electric Duct Heaters UL 2200A Edition 1, 2025
Outline of Investigation for Data Center Cord Sets and Power-Supply Cords UL 842 Edition 12, 2025	Standard for Fuel Gas Alarms UL 1563 Edition 7, 2025	Fire Containment Testing of Stationary Engine Generator Assembly Enclosures UL 2225 Edition 5, 2025
Valves for Flammable and Combustible Liquids UL 858 Edition 16, 2025	Electric Spas, Equipment Assemblies, and Associated Equipment UL 1598A Edition 1, 2025	Cables and Cable-Fittings For Use In Hazardous (Classified) Locations UL 2231-2 Edition 2, 2025
Standard for Household Electric Ranges UL 917 Edition 5, 2025	Standard for Supplemental Requirements for Luminaires for Installation on Marine Vessels UL 1638 Edition 6, 2025	Standard for Personnel Protection Systems for Electric Vehicle (EV) Supply Circuits: Particular Requirements for Protection Devices for Use in Charging Systems UL 2238 Edition 3, 2025
Standard for Clock-Operated Switches UL 962A Edition 6, 2025	Visible Signaling Devices for Fire Alarm and Signaling Systems, Including Accessories UL 1640 Edition 4, 2025	Standard for Cable Assemblies and Fittings for Industrial Control and Signal Distribution UL 2416 Edition 1, 2025
Furniture Power Distribution Units UL 1004-1 Edition 2, 2025	Standard for Portable Power-Distribution Equipment UL 1650 Edition 1, 2025	Audio/Video, Information and Communication Technology Equipment Cabinet, Enclosure and Rack Systems UL 2420 Edition 1, 2025
Standard for Rotating Electrical Machines - General Requirements UL 1053 Edition 7, 2025	Portable Power Cable UL 1678 Edition 6, 2025	Standard for Belowground Reinforced Thermosetting Resin Conduit (RTRC) and Fittings
Standard for Ground-Fault Sensing and Relaying Equipment UL 1062 Edition 3, 2025	Standard for Household, Commercial, and Institutional-Use Carts, Stands and Entertainment Centers for Use with Audio and/or Video Equipment	
Standard for Unit Substations UL 1081 Edition 8, 2025		
Swimming Pool Pumps, Filters, and Chlorinators UL 1206 Edition 4, 2025		

UL 2557 Edition 1, 2025 Membrane Switches	Electrical Systems of Battery Powered Aviation Ground Support Equipment	Part 2-6 Particular Requirements for Hand-Held Hammers
UL 2596-1 Edition 1, 2025 Tests for Battery Materials: Torch and Grit (TaG) Method	UL 9540A Edition 5, 2025 Test Method for Evaluating Thermal Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems	UL 62841- 2-12 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-12 Particular Requirements for Hand-Held Concrete Vibrators
UL 2610 Edition 2, 2025 Standard for Commercial Premises Security Alarm Units and Systems	UL 60079- 25 Edition 2, 2025 Standard for Explosive Atmospheres – Part 25: Intrinsically Safe Electrical Systems	UL 62841- 2-18 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-18 Particular Requirements for Hand-Held Strapping Tools
UL 2703 Edition 1, 2025 Standard for Mounting Systems, Mounting Devices, Clamping/Retention Devices, and Ground Lugs for Use with Flat-Plate Photovoltaic Modules and Panels	UL 60079- 30-1 Edition 1, 2025 Explosive Atmospheres - Part 30-1: Electrical Resistance Trace Heating - General and Testing Requirements	UL 62841- 2-19 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-19 Particular Requirements for Hand-Held Jointers
UL 2748A Edition 1, 2025 Standard for Arcing Fault Interrupting Devices	UL 60335- 2-29 Edition 1, 2025 Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-29: Particular requirements for battery chargers	UL 62841- 3-3 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 3-3 Particular Requirements for Transportable Planers and Thicknessers
UL 2750 Edition 1, 2025 Standard for Wireless Power Transfer Equipment for Electric Vehicles	UL 60335- 2-40 Edition 4, 2025 Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-40: Particular Requirements for Electrical Heat Pumps, Air-Conditioners and Dehumidifiers	UL 62841- 3-8 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 3-8 Particular Requirements for Transportable Single Spindle Vertical Moulders
UL 2901 Edition 1, 2025 Antifreeze Solutions for Use in Fire Sprinkler Systems	UL 60730- 2-22 Edition 1, 2025 Automatic Electrical Controls - Part 2-22: Particular Requirements for Thermal Motor Protectors	
UL 2941 Edition 1, 2025 Outline of Investigation for Cybersecurity of Distributed Energy and Inverter-Based Resources	UL 62841- 2-6 Edition 1, 2025 Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools and Lawn and Garden Machinery - Safety -	
UL 2996 Edition 1, 2025 In-Ground Outlet Boxes		
UL 2999 Edition 1, 2025 Individual Commercial Office Furnishings		
UL 3115 Edition 1, 2025 Outline of Investigation for Safety of AI-Based Products		
UL 3601 Edition 1, 2025 Standard for Measuring and Reporting Circularity of Li-ion and Other Secondary Batteries		
UL 5840 Edition 1, 2025		

<p>UL 62841- 3-14 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery – Safety – Part 3-14: Particular Requirements for Transportable Drain Cleaners</p> <p>UL 62841- 3-15 Edition 1, 2025 Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-15: Particular requirements for transportable magnetic drills</p> <p>UL 62841- 4-1 Edition 1, 2025 Standard for Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 4-1: Particular Requirements For Chain Saws</p>	<p>UL 62841- 4-4 Edition 1, 2025 Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 4-4: Particular Requirements For Lawn Trimmers, Lawn Edge Trimmers, Grass Trimmers, Brush Cutters And Brush Saws</p> <p>ULC 112.1 Edition 2, 2025 Standard for Leakage Rated Dampers for Use in Smoke Control Systems</p> <p>ULC 180 Edition 10, 2025 Combustible Liquid Tank Accessories</p> <p>ULC 507 Edition 5, 2025 Standard for Water Fire Extinguishers</p> <p>ULC 529 Edition 5, 2025 Smoke Detectors for Fire Alarm Systems</p> <p>ULC 601 Edition 6, 2025</p>	<p>Standard for Shop Fabricated Steel Aboveground Tanks for Flammable and Combustible Liquids</p> <p>ULC 771.1 Edition 3, 2025 Guide for Preparing Thermal Insulation Standards, Part 1 - Material Specifications</p> <p>ULC 774 Edition 3, 2025 Standard Test Method for the Determination of Volatile Organic Compound Emissions from Polyurethane Foam</p> <p>ULC 842 Edition 12, 2025 Valves for Flammable and Combustible Liquids</p> <p>ULC 1001 Edition 1, 2025 Standard for Integrated Systems Testing of Fire Protection and Life Safety Systems</p>
--	---	---

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn